



Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
1	172237353	Nguyễn Đức Bằng	ENG 102 A	K17KTR3	9	7	5	5	4	4.4	4.2	5.0	Năm		
2	172237361	Cao Khả Chiến	ENG 102 A	K17KTR3	7	7	8.5	7	4	4.6	4.3	5.8	Năm Phẩy Tám		
3	152232912	Hoàng Minh Công	ENG 102 A	K17KTR2	7	7	5.2	6	6	6.8	6.4	6.2	Sáu Phẩy Hai		
4	172427701	Nguyễn Duy Công	ENG 102 A	K17DLL	10	9	8	9	7	6.8	6.9	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
5	172237371	Bùi Tiến Đạt	ENG 102 A	K17KTR1	10	10	7.5	9	6	3.8	4.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
6	171445031	Hồ Việt Dương	ENG 102 A	K17DCD1	9	8	7	7	5	4.8	4.9	6.0	Sáu		
7	171325902	Nguyễn Nguyên Bắc Duy	ENG 102 A	K17KCD4	4	4	6	4	5	4.6	4.8	4.8	Bốn Phẩy Tám		
8	161156357	Nguyễn Thanh Duyệt	ENG 102 A	K16ECD1	9	8	6	6	5	5.8	5.4	6.0	Sáu		
9	172427706	Trần Thị Đông Hà	ENG 102 A	K17DLL	9	9	9	8	7	5.8	6.4	7.5	Bảy Phẩy Năm		
10	161215112	Hồ Thái Hải	ENG 102 A	K17XCD4	7	8	8.8	7	v	v	v	0.0	Không		
11	172427707	Nguyễn Thị Hạnh	ENG 102 A	K17DLL	10	10	8.5	8	7	8.6	7.8	8.3	Tám Phẩy Ba		
12	171138776	Trương Công Hiếu	ENG 102 A	K17TCD1	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
13	172427711	Trần Văn Hoạt	ENG 102 A	K17DLL	7	10	8.5	8.5	6	6	6	7.2	Bảy Phẩy Hai		
14	171135783	Đỗ Thanh Hưng	ENG 102 A	K17TCD2	8	8	6	6	5	4.2	4.6	5.5	Năm Phẩy Năm		
15	172427712	Ngô Hoàng Bảo Hưng	ENG 102 A	K17DLL	8	8	8	8	6	6.6	6.3	7.1	Bảy Phẩy Một		
16	172237417	Trần Thị Hường	ENG 102 A	K17KTR3	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
17	172427714	Phan Nhật Huy	ENG 102 A	K17DLL	10	9	7.6	7.6	8.5	7.2	7.9	8.0	Tám		
18	172427713	Trần Văn Huy	ENG 102 A	K17DLL	9	9	9.2	8	7	6.8	6.9	7.8	Bảy Phẩy Tám		
19	172427715	Nguyễn Thị Thanh Huyền	ENG 102 A	K17DLL	10	9	6	7	7	5	6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
20	171135786	Cao Quốc Khánh	ENG 102 A	K17TCD2	9	9	7	7	7	3.2	5.1	6.3	Sáu Phẩy Ba		
21	171135788	Lê Đình Anh Khoa	ENG 102 A	K17TCD2	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
22	172227088	Võ Anh Khoa	ENG 102 A	K17XDC	7	7	9.2	7	8	4	6	6.9	Sáu Phẩy Chín		
23	171138773	Huỳnh Như Bảo Khuê	ENG 102 A	K17TCD1	9	7	6	7	v	v	v	0.0	Không		
24	172237436	Trần Thảo Ly	ENG 102 A	K17KTR2	7	8	7.2	7	7	5.4	6.2	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
25	172317802	Trần Thị Khánh Ly	ENG 102 A	K17KKT2	10	10	8.5	8.5	7	5.6	6.3	7.5	Bảy Phẩy Năm		
26	172427718	Nguyễn Văn Minh	ENG 102 A	K17DLL	10	9	7.2	7.5	7.5	5	6.3	7.0	Bảy		
27	172427719	Trịnh Phạm Văn Nam	ENG 102 A	K17DLL	10	9	8	7.5	7	5.6	6.3	7.2	Bảy Phẩy Hai		
28	172237444	Lê Bá Nghĩa	ENG 102 A	K17KTR2	10	10	6.5	8.5	6.5	5	5.8	6.8	Sáu Phẩy Tám		
29	161156387	Lê Thị Mỹ Nhân	ENG 102 A	K16ECD1	10	9	7.6	7.5	7.5	4.4	6	6.9	Sáu Phẩy Chín		
30	172227071	Nguyễn Quang Tấn Phát	ENG 102 A	K17XDC	7	7	6	6	6.5	4	5.3	5.7	Năm Phẩy Bảy		
31	172237458	Hoàng Lương Phúc	ENG 102 A	K17KTR4	6	7	6	6	5	3.6	4.3	5.2	Năm Phẩy Hai		
32	172237461	Nguyễn Văn Phước	ENG 102 A	K17KTR3	10	9	7.6	7.5	6.5	5.2	5.9	6.9	Sáu Phẩy Chín		
33	172427724	Bùi Viết Anh Quốc	ENG 102 A	K17DLL	10	10	8	8	8	7.2	7.6	8.1	Tám Phẩy Một		
34	172237465	Nguyễn Văn Quốc	ENG 102 A	K17KTR3	10	9	7.6	7.5	7	2.6	4.8	6.3	Sáu Phẩy Ba		
35	162163183	Võ Đăng Cường Quốc	ENG 102 A	K17EVT	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
36	172427725	Trần Thị Sang	ENG 102 A	K17DLL	10	10	8	8.5	7.5	4.8	6.2	7.3	Bảy Phẩy Ba		

Thời gian : 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP							ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ	
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
37	161135970	Trương Minh	Sự	ENG 102 A	K17TCD1	0	0	0	0	7	5.4	6.2	3.4	Ba Phẩy Bốn	
38	161135973	Hồ Bá	Thắng	ENG 102 A	K17TCD2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
39	172237481	Nguyễn Anh Minh	Thắng	ENG 102 A	K17KTR3	10	9	8.5	7.5	8	4.2	6.1	7.2	Bảy Phẩy Hai	
40	172417684	Nguyễn Quyết	Thắng	ENG 102 A	K17DLL	10	10	8	9	8.5	7.8	8.2	8.5	Tám Phẩy Năm	
41	172427726	Lê	Thảo	ENG 102 A	K17DLL	10	10	9	9.5	8.5	7	7.8	8.5	Tám Phẩy Năm	
42	172427727	Lê Phương	Thảo	ENG 102 A	K17DLL	10	10	9.6	8.5	7.5	7.2	7.4	8.3	Tám Phẩy Ba	
43	172237484	Lâm Văn	Thiên	ENG 102 A	K17KTR2	9	8	7.2	7	6.5	3.4	5	6.1	Sáu Phẩy Một	
44	162233595	Dương Văn	Thiện	ENG 102 A	K17KTR4	7	8	9.2	8	8	5.6	6.8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
45	172237488	Hồ Thu Thanh	Thư	ENG 102 A	K17KTR2	10	10	8	9.5	8	6	7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
46	172427729	Vô Thị	Thương	ENG 102 A	K17DLL	10	10	6.5	8	8	4	6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
47	172238894	Trần Anh	Tiến	ENG 102 A	K17KTR2	7	8	6.5	8	7	3.6	5.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
48	172237495	Đậu Khắc	Toàn	ENG 102 A	K17KTR1	10	9	8.5	8	7	5	6	7.2	Bảy Phẩy Hai	
49	172237496	Nguyễn	Toàn	ENG 102 A	K17KTR2	6	7	7	6	7.5	5.6	6.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
50	172317926	Lê Văn	Tuấn	ENG 102 A	K17KKT4	10	10	9	9	7.5	5.8	6.7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
51	151135170	Phạm Minh	Tuấn	ENG 102 A	K17TCD2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
52	172237508	Phan	Tuấn	ENG 102 A	K17KTR2	9	9	6.5	8.5	6.5	5.2	5.9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
53	172529039	Nguyễn Thị Thanh	Vân	ENG 102 A	K17QNH4	10	9	10	9.5	8	7.2	7.6	8.5	Tám Phẩy Năm	
54	172247527	Nguyễn Đình	Ý	ENG 102 A	K17EVT	10	9	7.6	7.5	5.5	4.6	5.1	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
55	172338188	Hoàng Thị Hoàng	Anh	ENG 102 B	K17QTH3	6	7	5	6.5	6.5	5.8	6.2	6.0	Sáu	
56	172247546	Lê Hùng	Anh	ENG 102 B	K17EVT	10	8	5	7.5	5.5	5.2	5.4	6.0	Sáu	
57	162167666	Phan Công	Châu	ENG 102 B	K17EVT	4	4	0	0	7	5	6	3.9	Ba Phẩy Chín	
58	171155231	Lê Thành	Công	ENG 102 B	K17ECD	9	8	4	7	5.5	4.2	4.9	5.4	Năm Phẩy Bốn	
59	172247532	Nguyễn Hữu	Cường	ENG 102 B	K17EVT	10	8	6.5	7.5	6.5	6.8	6.7	7.0	Bảy	
60	172237367	Phạm Văn	Danh	ENG 102 B	K17KTR1	9	8.5	5	7.5	6	4.8	5.4	6.0	Sáu	
61	172528951	Trần Thị	Diệu	ENG 102 B	K17QNH1	9	8	6.5	6.5	7.5	7.2	7.4	7.2	Bảy Phẩy Hai	
62	172427703	Công Tương Tôn Nữ	Duyên	ENG 102 B	K17DLL	10	8	5.5	7	7.5	5.8	6.7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
63	172427704	Lê Trương Thị	Giang	ENG 102 B	K17DLL	8	8	4.5	7	8	5.6	6.8	6.5	Sáu Phẩy Năm	
64	172427708	Nguyễn Lê Ngọc	Hạnh	ENG 102 B	K17DLL	9	8	6	7	7	7	7	7.0	Bảy	
65	171135779	Nguyễn Hữu	Hào	ENG 102 B	K17TCD1	4	4	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
66	171216254	Lê	Hiền	ENG 102 B	K17XCD1	8	8	5	7	6.7	6.6	6.7	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
67	172247525	Trần Thanh	Hiền	ENG 102 B	K17EVT	10	8	5	7.5	7	4.8	5.9	6.3	Sáu Phẩy Ba	
68	172248902	Mai Thị Quỳnh	Hoa	ENG 102 B	K17EVT	9	8	4.5	7.5	6.5	5	5.8	6.1	Sáu Phẩy Một	
69	171216263	Võ Minh	Huân	ENG 102 B	K17XCD2	6	6	7	7	6	5.6	5.8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
70	172237412	Trần Việt	Hùng	ENG 102 B	K17KTR2	6	6	3.5	6	6	3	4.5	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
71	172247545	Đoàn Ngọc	Hưng	ENG 102 B	K17EVT	4	4	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
72	161156806	Hoàng Vũ	Linh	ENG 102 B	K16ECD2	7	6	5	6	5.8	2.6	4.2	4.9	Bốn Phẩy Chín	



Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
73	172427716	Vũ Thị Mỹ	Linh	ENG 102 B	K17DLL	9	8	5.5	7	5.5	6.4	6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
74	171216282	Trần Hữu	Linh	ENG 102 B	K17XCD1	9	8	4.5	7	5	5	5	5.6	Năm Phẩy Sáu	
75	172317805	Lê Thị Kim	Loan	ENG 102 B	K17KKT2	10	8	4	6.5	7.5	6.8	7.2	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
76	172247535	Phan Xuân	Lộc	ENG 102 B	K17EVT	6	6	5	6	6.5	5.2	5.9	5.7	Năm Phẩy Bảy	
77	161135938	Trịnh Phước	Lộc	ENG 102 B	K17ACD	4	4	0	0	v	v	v	0.0	Không	
78	172237435	Nguyễn Quyết	Lợi	ENG 102 B	K17KTR1	9	8	5.5	7.5	5.8	5.4	5.6	6.2	Sáu Phẩy Hai	
79	172338252	Nguyễn Võ Ngọc	Long	ENG 102 B	K17QTH3	7	7	5	7.5	6	5	5.5	5.8	Năm Phẩy Tám	
80	171445095	Đặng Thị Hiền	Mơ	ENG 102 B	K17DCD2	9	8	4.5	6	4.5	5.6	5.1	5.5	Năm Phẩy Năm	
81	172248901	Trần Văn	Nam	ENG 102 B	K17EVT	10	8.5	5	9	8	6.2	7.1	7.2	Bảy Phẩy Hai	
82	172237351	Lê Nguyễn Minh	Nghĩa	ENG 102 B	K17KTR1	10	8	5	7	5.8	4	4.9	5.7	Năm Phẩy Bảy	
83	172528580	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	ENG 102 B	K17QNH4	9	8	4	6.5	6.5	4.6	5.6	5.8	Năm Phẩy Tám	
84	172247534	Phạm Phú	Phi	ENG 102 B	K17EVT	9	8	5	7.5	6	4.8	5.4	6.0	Sáu	
85	171448714	Huỳnh Trương Kim	Phú	ENG 102 B	K17DCD1	4	4	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
86	172247549	Lê Hoàng	Phúc	ENG 102 B	K17EVT	7	6	5.5	7	5	5	5	5.5	Năm Phẩy Năm	
87	172247533	Dương Hiền	Quang	ENG 102 B	K17EVT	10	9	6	8.5	7	4.6	5.8	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
88	172247523	Trương Hồng	Quảng	ENG 102 B	K17EVT	9	8	5	7.5	5	5.2	5.1	5.8	Năm Phẩy Tám	
89	172417681	Phan Xuân	Sang	ENG 102 B	K17DLK1	6	6	5	5	6.5	6.4	6.5	5.9	Năm Phẩy Chín	
90	171216326	Huỳnh Tấn Nhật	Sinh	ENG 102 B	K17XCD1	8	7	6	6	hp	hp	hp	0.0	Không	
91	172247552	Phạm Thái	Sơn	ENG 102 B	K17EVT	7	7	5	6	6.5	5.4	6	5.9	Năm Phẩy Chín	
92	172247522	Huỳnh Văn	Tài	ENG 102 B	K17EVT	9	8	4	6.5	3.5	5.4	4.5	5.1	Năm Phẩy Một	
93	172528635	Nông Thị Thu	Thảo	ENG 102 B	K17QNH1	9	8	4.5	7	6	6.2	6.1	6.2	Sáu Phẩy Hai	
94	172528643	Nguyễn Khánh	Thế	ENG 102 B	K17QNH1	7	7	5	6	6	5	5.5	5.7	Năm Phẩy Bảy	
95	172247554	Hoàng Minh	Thuận	ENG 102 B	K17EVT	10	8.5	4.5	7.5	7.5	6.8	7.2	6.9	Sáu Phẩy Chín	
96	172317867	Lê Thị Thu	Thủy	ENG 102 B	K17KKT2	9	8	3	6	8	7.4	7.7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
97	172248900	Nguyễn Minh	Trí	ENG 102 B	K17EVT	9	8	4	7.5	7	5.2	6.1	6.2	Sáu Phẩy Hai	
98	172528676	Hoàng Ái	Trình	ENG 102 B	K17QNH1	9	8	5.5	7	7.5	6.6	7.1	6.9	Sáu Phẩy Chín	
99	172528672	Hoàng Nữ Phương	Trình	ENG 102 B	K17QNH1	9	8	7.5	7	7.5	6.4	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
100	172528679	Phan Quang	Trường	ENG 102 B	K17QNH1	7	7	7	7	4.5	4.8	4.7	5.7	Năm Phẩy Bảy	
101	172247551	Trương Công	Tuấn	ENG 102 B	K17EVT	7	6	6	7	5.5	4	4.8	5.5	Năm Phẩy Năm	
102	172427730	Vũ Thị Ánh	Tuyết	ENG 102 B	K17DLL	10	8	4.5	7	8	4.2	6.1	6.3	Sáu Phẩy Ba	
103	171216383	Hà Văn	Tuynh	ENG 102 B	K17XCD2	6	5	4	5	v	2.2	v	0.0	Không	
104	171155212	Nguyễn Thành	Viên	ENG 102 B	K17ECD	8	7	3.5	5	6	4.4	5.2	5.2	Năm Phẩy Hai	
105	172247548	Nguyễn	Vinh	ENG 102 B	K17EVT	10	8	6.5	7.5	7	3.4	5.2	6.2	Sáu Phẩy Hai	
106	171155234	Nguyễn Hồng	Vinh	ENG 102 B	K17ECD	9	8	3.5	6.5	7	5	6	5.9	Năm Phẩy Chín	
107	172317779	Nguyễn Thị Ngọc	Vinh	ENG 102 B	K17KKT2	10	8	7	7.5	8	5.2	6.6	7.1	Bảy Phẩy Một	
108	172528693	Đặng Vũ	Vương	ENG 102 B	K17QNH1	8	8	6	6.5	v	4.8	v	0.0	Không	



Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
109	171155006	Trần Hoài	Bảo	ENG 102 C	K17ECD	4	4	4	3	7	4	5.5	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
110	172237356	Đinh Thanh	Bình	ENG 102 C	K17KTR2	4	5	5	3	6	5	5.5	5.0	Năm	
111	171216219	Nguyễn Văn	Cảnh	ENG 102 C	K17XCD2	7	5	5	5	6	3	4.5	4.8	Bốn Phẩy Tám	
112	171155222	Trần Ngọc	Chấn	ENG 102 C	K17ECD	5	5	4	4	5	4.8	4.9	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
113	171155236	Bùi Ngọc	Châu	ENG 102 C	K17ECD	6	5	6	4	5	5	5	5.2	Năm Phẩy Hai	
114	171216221	Nguyễn Thị	Châu	ENG 102 C	K17XCD4	9	8	8	7	8	4.6	6.3	7.0	Bảy	
115	172249023	Ngô Thành	Công	ENG 102 C	K17EVT	5	5	5	4	8	3.4	5.7	5.3	Năm Phẩy Ba	
116	171155242	Đặng Thanh	Cường	ENG 102 C	K17ECD	6	5	6	4	8	4.8	6.4	5.9	Năm Phẩy Chín	
117	171155223	Bùi Quang	Đại	ENG 102 C	K17ECD	7	4	4	4	5	4.6	4.8	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
118	171218833	Lê Xuân	Diệu	ENG 102 C	K17XCD1	7	5	5.5	4	7	5.6	6.3	5.8	Năm Phẩy Tám	
119	171216247	Trần Minh	Dương	ENG 102 C	K17XCD1	10	7.5	5.5	6.5	8	4.6	6.3	6.5	Sáu Phẩy Năm	
120	171325903	Nguyễn Ngọc	Duyên	ENG 102 C	K17KCD5	10	8	7	6	3	2.8	2.9	0.0	Không	
121	172238898	Nguyễn Hữu	Hiếu	ENG 102 C	K17KTR2	5	5	5	4	6	4	5	4.9	Bốn Phẩy Chín	
122	161157081	Cao Việt	Hoà	ENG 102 C	K16ECD2	4	5	4	4	7	5.8	6.4	5.4	Năm Phẩy Bốn	
123	171218852	Nguyễn Văn	Hòa	ENG 102 C	K17XCD2	9.5	6	6	5	3	4	3.5	0.0	Không	
124	171216258	Nguyễn Thái	Hoàng	ENG 102 C	K17XCD1	4	4	4.5	3	6	3.8	4.9	4.5	Bốn Phẩy Năm	
125	171155240	Trương Quốc	Hoàng	ENG 102 C	K17ECD	10	6	5.5	5	6	5.2	5.6	5.8	Năm Phẩy Tám	
126	171216266	Trương Văn	Hùng	ENG 102 C	K17XCD1	10	6	6	5	6	3.4	4.7	5.4	Năm Phẩy Bốn	
127	171155221	Hồ Nguyên	Hưng	ENG 102 C	K17ECD	7	5	5.5	4	6	6.2	6.1	5.7	Năm Phẩy Bảy	
128	171158728	Hồ Thị Thu	Hương	ENG 102 C	K17ECD	10	8	7.5	6	7	5.4	6.2	6.8	Sáu Phẩy Tám	
129	171155239	Trần Tiến	Huy	ENG 102 C	K17ECD	7	4	4	4	5	3.8	4.4	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
130	171218830	Lê Viết	Huỳnh	ENG 102 C	K17XCD4	4	4	4.5	3	v	v	v	0.0	Không	
131	171155241	Nguyễn Vũ Hoàng	Khải	ENG 102 C	K17ECD	5	5	5	4	1	8.2	4.6	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
132	171218856	Lê Văn	Khánh	ENG 102 C	K17XCD2	5	5	5	4	1	5.8	3.4	0.0	Không	
133	171158725	Nguyễn Trần	Khánh	ENG 102 C	K17ECD	5	5	4	4	4	8.2	6.1	5.3	Năm Phẩy Ba	
134	171216275	Nguyễn Văn	Khánh	ENG 102 C	K17XCD2	8	6	7	5.5	4	8.6	6.3	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
135	171218846	Huỳnh Minh	Kỳ	ENG 102 C	K17XCD3	4	4	3	3	5	6.6	5.8	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
136	171216280	Tô Văn	Lân	ENG 102 C	K17XCD3	10	8	6	6	5	4.6	4.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	
137	171155217	Nguyễn Trường Nhật	Linh	ENG 102 C	K17ECD	8.5	5	5	4	6.5	7.8	7.2	6.3	Sáu Phẩy Ba	
138	171219011	Phùng Tuấn	Linh	ENG 102 C	K17XCD3	4	4	3	3	6.5	6	6.3	4.9	Bốn Phẩy Chín	
139	172237433	Nguyễn Minh	Lộc	ENG 102 C	K17KTR3	1	1	4.5	1	v	v	v	0.0	Không	
140	171158726	Nguyễn Hải	Long	ENG 102 C	K17ECD	4	4	3	3	8	9	8.5	6.2	Sáu Phẩy Hai	
141	171216288	Nguyễn Đình	Minh	ENG 102 C	K17XCD3	10	8	6	6	5	4.6	4.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	
142	171155237	Trần	Nam	ENG 102 C	K17ECD	7	6	6	5	7	6.8	6.9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
143	171155210	Hoàng Hải	Nguyên	ENG 102 C	K17ECD	4	4	6	3	8	7.4	7.7	6.3	Sáu Phẩy Ba	
144	152233015	Nguyễn Đăng	Nhật	ENG 102 C	K17KTR	1	1	4	1	v	v	v	0.0	Không	

Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
145	171218853	Nguyễn Văn Phú	Phú	ENG 102 C	K17XCD1	8.5	5	5.5	5	6	3.4	4.7	5.1	Năm Phẩy Một	
146	172237460	Nguyễn Quang Phục	Phục	ENG 102 C	K17KTR2	4	4	4.5	3	4	4.2	4.1	4.1	Bốn Phẩy Một	
147	171216318	Phạm Phú Quang	Quang	ENG 102 C	K17XCD1	10	5	5.5	5	6	5.4	5.7	5.7	Năm Phẩy Bảy	
148	171216324	Lê Thái Quý	Quý	ENG 102 C	K17XCD3	8.5	8	6.5	5	5.5	4.6	5.1	5.8	Năm Phẩy Tám	
149	171218842	Cao Vũ Thái	Thái	ENG 102 C	K17XCD4	4	3	4.5	3	v	v	v	0.0	Không	
150	171216342	Nguyễn Thắng	Thắng	ENG 102 C	K17XCD1	10	4	4.5	4	5	6	5.5	5.2	Năm Phẩy Hai	
151	142211277	Phạm Minh Thành	Thành	ENG 102 C	K17QTH3	7	6	7	5	4	4.2	4.1	5.1	Năm Phẩy Một	
152	171216350	Trần Trung Thành	Thành	ENG 102 C	K17XCD1	4	5	4	4	5	5	5	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
153	172237483	Nguyễn Thanh Thiên	Thiên	ENG 102 C	K17KTR1	7	5	5	4	7	4.6	5.8	5.4	Năm Phẩy Bốn	
154	171158730	Nguyễn Khắc Thịnh	Thịnh	ENG 102 C	K17ECD	8	5	5.5	4	4	6.4	5.2	5.3	Năm Phẩy Ba	
155	171216354	Lê Phước Thông	Thông	ENG 102 C	K17XCD1	8.5	6	5.5	5	6.5	4.2	5.4	5.6	Năm Phẩy Sáu	
156	171216358	Lê Vĩnh Toàn	Toàn	ENG 102 C	K17XCD1	8.5	5	5.5	5	6.5	5.4	6	5.8	Năm Phẩy Tám	
157	171155232	Trương Văn Triều	Triều	ENG 102 C	K17ECD	5	5	5	4	5	3.8	4.4	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
158	171155216	Đinh Trần Minh Tú	Tú	ENG 102 C	K17ECD	7	6	5.5	4	7	6.8	6.9	6.2	Sáu Phẩy Hai	
159	171155215	Phạm Thiên Tuấn	Tuấn	ENG 102 C	K17ECD	7	6	5.5	4	5	4	4.5	4.9	Bốn Phẩy Chín	
160	132234933	Trịnh Hồng Tuấn	Tuấn	ENG 102 C	K14KTR1	5	5	5.5	4	v	v	v	0.0	Không	
161	171155224	Phạm Thế Vũ	Vũ	ENG 102 C	K17ECD	4	4	3	3	5.5	4.4	5	4.2	Bốn Phẩy Hai	
162	171216390	Trần Thiên Vũ	Vũ	ENG 102 C	K17XCD1	4	4	3.5	3	5	4.8	4.9	4.3	Bốn Phẩy Ba	
163	172237521	Phạm Văn Vượng	Vượng	ENG 102 C	K17KTR3	5	5	4	4	5	3.2	4.1	4.2	Bốn Phẩy Hai	
164	172528487	Nguyễn Ngô Quốc Anh	Anh	ENG 102 D	K17QNH2	5	4	5	3	6	5.2	5.6	5.0	Năm	
165	171216214	Thái Duy Bảo	Bảo	ENG 102 D	K17XCD1	10	10	7	8	7.5	5.6	6.6	7.3	Bảy Phẩy Ba	
166	171216217	Lương Thanh Bình	Bình	ENG 102 D	K17XCD4	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
167	171216223	Trần Thanh Chính	Chính	ENG 102 D	K17XCD2	5	4	7	5	4	3.8	3.9	0.0	Không	
168	171216227	Đoàn Tấn Cường	Cường	ENG 102 D	K17XCD2	4	4	7.2	3	4	3.8	3.9	0.0	Không	
169	171216228	Ngô Hùng Cường	Cường	ENG 102 D	K17XCD3	10	7	7.2	7	v	v	v	0.0	Không	
170	171219010	Lê Thành Đạt	Đạt	ENG 102 D	K17XCD4	9	8	9	7	5	4.8	4.9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
171	172528500	Nguyễn Thành Đạt	Đạt	ENG 102 D	K17QNH4	7	9	7	7	6	5.6	5.8	6.5	Sáu Phẩy Năm	
172	171216241	Bùi Anh Đức	Đức	ENG 102 D	K17XCD4	10	10	5	8	v	v	v	0.0	Không	
173	171216244	Lê Văn Dũng	Dũng	ENG 102 D	K17XCD4	10	10	7	9	8	5.2	6.6	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
174	171216243	Phan Văn Dũng	Dũng	ENG 102 D	K17XCD2	7	9	9.2	7.5	6	5.6	5.8	7.0	Bảy	
175	172317975	Lê Thị Dương	Dương	ENG 102 D	K17KKT4	10	10	8	8	5.5	6.6	6.1	7.2	Bảy Phẩy Hai	
176	172117564	Đoàn Đăng Hải	Hải	ENG 102 D	K17TMT	8	7	7	7	5.5	6.2	5.9	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
177	171216251	Trần Minh Hải	Hải	ENG 102 D	K17XCD2	6	5	5.6	4	3.5	3.8	3.7	0.0	Không	
178	172238891	Lê Ngọc Hiễn	Hiễn	ENG 102 D	K17KTR2	10	7	6.5	7	5	5.6	5.3	6.1	Sáu Phẩy Một	
179	162347428	Châu Thị Hoài	Hoài	ENG 102 D	K17QTH2	10	8	7.6	7.6	6.5	7.6	7.1	7.5	Bảy Phẩy Năm	
180	172217188	Hà Văn Hưng	Hưng	ENG 102 D	K17XDD1	9	7	7	7	v	v	v	0.0	Không	



Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
181	172528544	Trần Quốc	Huy	ENG 102 D	K17QNH4	7	7	5.6	6	6	5.2	5.6	5.9	Năm Phẩy Chín	
182	171218844	Nguyễn Hải	Lâm	ENG 102 D	K17XCD2	8	8	8	7	3.5	4.8	4.2	5.8	Năm Phẩy Tám	
183	172317872	Nguyễn Thị Diệu	Lan	ENG 102 D	K17KKT4	10	10	8.5	8	7.5	6	6.8	7.7	Bảy Phẩy Bảy	
184	171216283	Lê Thành	Long	ENG 102 D	K17XCD2	9	7	4.5	5	5.5	3.6	4.6	5.1	Năm Phẩy Một	
185	171326209	Trần Lê	Minh	ENG 102 D	K17KCD6	8	7	5.6	6	5	5.4	5.2	5.7	Năm Phẩy Bảy	
186	172338171	Huỳnh Tiến	Nghĩa	ENG 102 D	K17QTH1	10	10	7.6	8	7.5	5.2	6.4	7.3	Bảy Phẩy Ba	
187	171445104	Cao Thị Lan	Ngọc	ENG 102 D	K17DCD1	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
188	171445107	Lê Mạnh	Nguyên	ENG 102 D	K17DCD2	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
189	172127604	Trần Quang	Phát	ENG 102 D	K17TPM	9	8	5	5	4	3.8	3.9	0.0	Không	
190	172528593	Hoàng	Phú	ENG 102 D	K17QNH4	9	9	5	6	5.5	4.4	5	5.7	Năm Phẩy Bảy	
191	171216311	Nguyễn	Phú	ENG 102 D	K17XCD2	9	7	6	6	5	6.2	5.6	6.0	Sáu	
192	142221355	Nguyễn Đình	Phú	ENG 102 D	K14XDC	8	7	6	6	6	4	5	5.7	Năm Phẩy Bảy	
193	171218838	Nguyễn Thọ	Phú	ENG 102 D	K17XCD4	10	9	7.6	8	6	5.4	5.7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
194	172338142	Nguyễn Trần	Phú	ENG 102 D	K17QTH2	10	8	7.6	8	5.5	5.8	5.7	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
195	171216322	Nguyễn Mạnh	Quốc	ENG 102 D	K17XCD2	4	3	5	3	5	2	3.5	0.0	Không	
196	171216325	Cao Xuân	Quý	ENG 102 D	K17XCD4	10	10	8	8	5.5	3.8	4.7	6.5	Sáu Phẩy Năm	
197	171216328	Lê Vũ	Son	ENG 102 D	K17XCD3	7	6	4	4	5	3.4	4.2	4.5	Bốn Phẩy Năm	
198	172338935	Lê Thị Thanh	Thảo	ENG 102 D	K17QTH1	10	10	8.5	10	7.5	6.4	7	8.0	Tám	
199	172318925	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	ENG 102 D	K17KKT4	9	9	7	8	7	5.4	6.2	7.0	Bảy	
200	171326120	Đỗ Đăng	Thịnh	ENG 102 D	K17KCD8	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
201	172528646	Hoàng Trọng	Thịnh	ENG 102 D	K17XCD3	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
202	142234598	Nguyễn Thị	Thu	ENG 102 D	K14KTR1	8	9	8.5	8	5	6.6	5.8	7.0	Bảy	
203	172237489	Huỳnh Đức	Thuận	ENG 102 D	K17KTR3	10	8	5.6	6	4	5.4	4.7	5.6	Năm Phẩy Sáu	
204	172528654	Phan Cao	Thủy	ENG 102 D	K17QNH2	7	5	4.4	5	4	2.6	3.3	0.0	Không	
205	171575692	Nguyễn Thị Thanh	Thùy	ENG 102 D	K17QCD2	9	10	7.2	7	6	4.8	5.4	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
206	171218832	Nguyễn Văn Ngọc	Toàn	ENG 102 D	K17XCD2	9	10	7	8	6	5.4	5.7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
207	172528954	Phan Thị Thu	Trình	ENG 102 D	K17QNH4	10	10	8	8	7	4.2	5.6	7.0	Bảy	
208	171216367	Mai Thế	Trung	ENG 102 D	K17XCD2	10	9	8	7	5	4.2	4.6	6.2	Sáu Phẩy Hai	
209	171216369	Nguyễn Thành	Trung	ENG 102 D	K17XCD4	10	10	4.5	6	v	4.2	v	0.0	Không	
210	171216364	Nguyễn Tiến	Trung	ENG 102 D	K17XCD3	9	7	7.2	7	v	v	v	0.0	Không	
211	171216363	Nguyễn Văn	Trung	ENG 102 D	K17XCD2	8	6	5.6	6	4	4.4	4.2	5.0	Năm	
212	171219014	Dương Bá	Tuân	ENG 102 D	K17XCD2	10	9	5	7	4.5	3.8	4.2	5.4	Năm Phẩy Bốn	
213	171216374	Đoàn Thanh	Tuấn	ENG 102 D	K17XCD1	10	10	8	9	7.5	5.4	6.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
214	172528955	Lê Anh	Tuấn	ENG 102 D	K17QNH4	9	10	8	7	8	6.6	7.3	7.8	Bảy Phẩy Tám	
215	172237509	Trần Thanh	Tùng	ENG 102 D	K17KTR3	5	4	5.6	4	v	v	v	0.0	Không	
216	141134118	Trịnh Quý	Vũ	ENG 102 D	K15TCD3	9	8	7.2	7	4.5	4.6	4.6	5.9	Năm Phẩy Chín	



Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
217	171216391	Võ Quốc	Vương	ENG 102 D	K17XCD2	7	7	5.6	6	4.5	2	3.3	0.0	Không	
218	172237358	Bùi Huyền Ngọc	Cảnh	ENG 102 E	K17KTR4	5	6	5.2	3.8	5	5	5	5.0	Năm	
219	172528949	Đặng Thị	Chín	ENG 102 E	K17QNH4	9	8.5	5.6	7	5.5	4.8	5.2	6.0	Sáu	
220	172227105	Phan Quốc	Đại	ENG 102 E	K17XDC	7	7.5	4.4	5	6	5.6	5.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	
221	172237370	Đinh Tuấn	Đạt	ENG 102 E	K17KTR4	8	9	6	7	5	5	5	6.0	Sáu	
222	172528499	Nguyễn Thành	Đạt	ENG 102 E	K17QNH3	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
223	172528502	Nguyễn Thị Thùy	Điểm	ENG 102 E	K17QNH4	9	8.5	5	6.5	7.5	5.8	6.7	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
224	171219013	Từ Đạo	Diễn	ENG 102 E	K17XCD3	9	7	5.2	5	6.5	5.4	6	6.0	Sáu	
225	172237382	Nguyễn Viết	Dũng	ENG 102 E	K17KTR4	8	9	4.6	7	6.5	4.4	5.5	5.9	Năm Phẩy Chín	
226	172237401	Mai Xuân	Hiếu	ENG 102 E	K17KTR3	9	8.5	5	6	6.5	4.4	5.5	5.9	Năm Phẩy Chín	
227	172247530	Lê Tiến	Khải	ENG 102 E	K17EVT	9	9	5.4	7	6	6.6	6.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
228	172338207	Phạm Anh	Khoa	ENG 102 E	K17QTH1	9	9	6	10	6.5	5.6	6.1	6.9	Sáu Phẩy Chín	
229	172247536	Nguyễn Quốc	Kỳ	ENG 102 E	K17EVT	5	6	5	3	5	5.8	5.4	5.1	Năm Phẩy Một	
230	172528552	Lý Hương	Lan	ENG 102 E	K17QNH2	9	8.5	7	9	5.5	5.2	5.4	6.5	Sáu Phẩy Năm	
231	172338235	Chu Thị	Linh	ENG 102 E	K17QTH1	10	9.5	5	7.5	7	5.6	6.3	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
232	172528556	Huỳnh Ngọc	Linh	ENG 102 E	K17QNH3	8	9	6	7.5	6.5	3.6	5.1	6.0	Sáu	
233	172247550	Lê Thanh	Long	ENG 102 E	K17EVT	8	8	5.8	3	5.5	3.8	4.7	5.2	Năm Phẩy Hai	
234	172338163	Lê Thị Hải	Lý	ENG 102 E	K17QTH1	8	9	5.8	9	5.5	6	5.8	6.5	Sáu Phẩy Năm	
235	172528568	Lê Thị Minh	Mẫn	ENG 102 E	K17QNH4	10	8.5	5.5	9	8	7	7.5	7.5	Bảy Phẩy Năm	
236	172227114	Nguyễn Trung	Mỹ	ENG 102 E	K17XDC	9	8.5	5	7.5	8	4.2	6.1	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
237	172237441	Đào Đức	Nam	ENG 102 E	K17KTR3	10	9.5	5.2	7.5	7	3.6	5.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
238	172227106	Nguyễn Xuân	Nam	ENG 102 E	K17XDC	8	8.5	5.6	7.2	7.5	4.8	6.2	6.5	Sáu Phẩy Năm	
239	172528579	Phạm Thị Minh	Ngọc	ENG 102 E	K17QNH3	9	9	5.2	8	8	5.4	6.7	6.9	Sáu Phẩy Chín	
240	172237450	Nguyễn Đức	Nhân	ENG 102 E	K17KTR4	7	7	3.6	3	9.5	3.8	6.7	5.7	Năm Phẩy Bảy	
241	172247531	Trần Văn	Nhật	ENG 102 E	K17EVT	10	9	6	8	9	7.8	8.4	8.0	Tám	
242	172338185	Lê Thị Thu	Phương	ENG 102 E	K17QTH1	10	9.5	6	7.5	7.5	6.4	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
243	172528600	Nguyễn Thị Hoài	Phương	ENG 102 E	K17QNH4	10	9	6.2	8	8	5	6.5	7.0	Bảy	
244	172528602	Phạm Thị Thu	Phương	ENG 102 E	K17QNH2	10	10	7	10	8.5	7	7.8	8.2	Tám Phẩy Hai	
245	152233049	Tổng Văn	Sơn	ENG 102 E	K17KTR	9	8.5	4	7.5	5.5	3.2	4.4	5.2	Năm Phẩy Hai	
246	172227087	Trịnh Ngọc	Tài	ENG 102 E	K17XDC	8	7	5.2	3	5.5	3.8	4.7	5.0	Năm	
247	152222782	Lê	Thắng	ENG 102 E	K17XDC	8	8	5.4	9	5.5	3.6	4.6	5.7	Năm Phẩy Bảy	
248	172348946	Đinh Thị Thu	Thảo	ENG 102 E	K17QTC1	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
249	172528634	Hoàng Thị Nguyên	Thảo	ENG 102 E	K17QNH4	10	9	6.2	7	7	5.6	6.3	6.8	Sáu Phẩy Tám	
250	172338233	Nguyễn Trọng	Thọ	ENG 102 E	K17QTH1	6	8	6.6	9	6.5	5.4	6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
251	172227113	Lê Duy	Thức	ENG 102 E	K17XDC	10	8.5	6.6	6.5	8	6	7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
252	172247542	Nguyễn Hữu Khánh	Toàn	ENG 102 E	K17EVT	8	9	7	7.5	8	6	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	



Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
253	172237497	Trần Quốc	Toản	ENG 102 E	K17KTR3	9	9	6	7.5	8.5	6	7.3	7.3	Bảy Phẩy Ba	
254	172528663	Lê Thị Quỳnh	Trang	ENG 102 E	K17QNH4	10	8.5	6	8	7.5	5.2	6.4	6.8	Sáu Phẩy Tám	
255	172227093	Nguyễn Bảo	Trung	ENG 102 E	K17XDC	10	9	5	7	7.5	3.4	5.5	6.1	Sáu Phẩy Một	
256	172247543	Lê Anh	Tuấn	ENG 102 E	K17EVT	9	8	5.8	6.5	8	6.2	7.1	7.0	Bảy	
257	172348276	Đỗ Hoàng	Tùng	ENG 102 E	K17QTM1	5	6	4.8	3	hp	hp	hp	0.0	Không	
258	172528684	Lê Thanh	Tuyên	ENG 102 E	K17QNH3	8	8	4	7	8	5.2	6.6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
259	172339033	Dương Thị Ánh	Tuyết	ENG 102 E	K17QTH2	10	10	5.2	7	6.5	7.2	6.9	7.0	Bảy	
260	172338210	Nguyễn Đức	Vinh	ENG 102 E	K17QTH1	9	9.5	6.8	7	6.5	4.6	5.6	6.5	Sáu Phẩy Năm	
261	172338168	Nguyễn Quốc	Vương	ENG 102 E	K17QTH1	9	9	6	8	3.5	3.4	3.5	0.0	Không	
262	172528698	Trần Thị Hồng	Vy	ENG 102 E	K17QNH2	8	8	5.2	8	4	4.4	4.2	5.4	Năm Phẩy Bốn	
263	171216213	Mai Xuân	Anh	ENG 102 F	K17XCD4	7	7	4.5	4	v	v	v	0.0	Không	
264	172528493	Nguyễn Hoài	Bảo	ENG 102 F	K17QNH2	8	7	5	4	4.5	4.4	4.5	4.9	Bốn Phẩy Chín	
265	172338199	Phùng Tấn	Bi	ENG 102 F	K17QTH3	8	6	5.5	4	4.5	4.8	4.7	5.1	Năm Phẩy Một	
266	171216215	Võ Văn	Biên	ENG 102 F	K17XCD2	8	7	4.5	5	3.5	3.4	3.5	0.0	Không	
267	171216230	Nguyễn Tuấn	Cường	ENG 102 F	K17XCD4	7	6	5.5	4	hp	hp	hp	0.0	Không	
268	171216240	Cao Văn	Đức	ENG 102 F	K17XCD3	9	8	8.5	4	3.5	4.6	4.1	5.6	Năm Phẩy Sáu	
269	171578759	Phạm Hồng Anh	Dũng	ENG 102 F	K17QCD8	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
270	172528519	Trịnh Thị Thảo	Duyên	ENG 102 F	K17QNH3	8	9	5.5	7	7	5.8	6.4	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
271	172227109	Nguyễn Thị	Hải	ENG 102 F	K17XDC	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
272	172237394	Nguyễn Văn	Hạnh	ENG 102 F	K17KTR4	7	5	5	3	5	4.6	4.8	4.8	Bốn Phẩy Tám	
273	171216256	Trần Minh	Hiếu	ENG 102 F	K17XCD3	9	7	7.5	7	4.5	5.4	5	6.1	Sáu Phẩy Một	
274	172237408	Phạm Đức	Hoàng	ENG 102 F	K17KTR4	7	5	5	3	4.5	5.2	4.9	4.8	Bốn Phẩy Tám	
275	172227069	Trần Thái	Hoàng	ENG 102 F	K17XDC	6	5	3	3	3.5	3.2	3.4	0.0	Không	
276	171216265	Lê Thanh	Hùng	ENG 102 F	K17XCD4	9	7	5	4	4	2.8	3.4	0.0	Không	
277	171216264	Nguyễn	Hùng	ENG 102 F	K17XCD3	7	8	5.5	5.5	3.5	4	3.8	0.0	Không	
278	171218837	Lưu Quang	Huy	ENG 102 F	K17XCD1	5	4	7.5	6	3.5	4.6	4.1	5.0	Năm	
279	162233506	Phạm Vũ Quang	Huy	ENG 102 F	K17KTR3	8	9	6	7	9	5.2	7.1	7.1	Bảy Phẩy Một	
280	172227118	Trần Đăng	Kiên	ENG 102 F	K17XDC	9	6	6.5	4	5	3.4	4.2	5.1	Năm Phẩy Một	
281	171216278	Trần Bá	Lâm	ENG 102 F	K17XCD1	6	6	3	6	5	3	4	4.3	Bốn Phẩy Ba	
282	172227092	Đỗ Văn	Linh	ENG 102 F	K17XDC	8	6	6.5	7	5	4.2	4.6	5.5	Năm Phẩy Năm	
283	172237437	Võ Khắc	Mẫn	ENG 102 F	K17KTR3	3	3	5.5	3	7	4	5.5	4.9	Bốn Phẩy Chín	
284	171448715	Mai Thị	Minh	ENG 102 F	K17DCD3	7	6	4.5	7	4.5	4.6	4.6	5.1	Năm Phẩy Một	
285	171448722	Nguyễn Thị	Minh	ENG 102 F	K17DCD3	8	7	4.5	5	4.5	3.8	4.2	4.8	Bốn Phẩy Tám	
286	171216290	Phan Việt	Minh	ENG 102 F	K17XCD2	8	7	6	5	6.5	4.2	5.4	5.7	Năm Phẩy Bảy	
287	171216297	Nguyễn Đức	Ngọc	ENG 102 F	K17XCD4	8	6	5	4	4	3.2	3.6	0.0	Không	
288	172237352	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	ENG 102 F	K17KTR2	8	7	5.5	4	6.5	5.4	6	5.9	Năm Phẩy Chín	

Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
289	172528591	Nguyễn Thị Ngọc	Oánh	ENG 102 F	K17QNH3	10	9	5.5	7	7	4	5.5	6.2	Sáu Phẩy Hai	
290	171218835	Trần Tấn	Phi	ENG 102 F	K17XCD3	10	7	7.5	4	4	4.2	4.1	5.4	Năm Phẩy Bốn	
291	171216309	Nguyễn Hồng	Phong	ENG 102 F	K17XCD4	7	6	4	5	3	4.2	3.6	0.0	Không	
292	172227072	Nguyễn Hoàng	Phước	ENG 102 F	K17XDC	9	8	7	6.5	3	4.2	3.6	0.0	Không	
293	171326086	Lê Thị Như	Quỳnh	ENG 102 F	K17KCD6	7	6	3.5	4	6	3.2	4.6	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
294	171216327	Nguyễn Ngọc	Sơn	ENG 102 F	K17XCD2	8	7	5	4	4.5	5.8	5.2	5.3	Năm Phẩy Ba	
295	172338234	Phan Thị Ngọc	Sương	ENG 102 F	K17QTH2	8	7	4.5	7.5	7	5.2	6.1	6.1	Sáu Phẩy Một	
296	172237473	Trần Xuân	Tài	ENG 102 F	K17KTR3	6	5	6	5	5.5	5.6	5.6	5.6	Năm Phẩy Sáu	
297	161215176	Nguyễn Văn	Tân	ENG 102 F	K17XCD1	7	7	8	4	5	4.2	4.6	5.6	Năm Phẩy Sáu	
298	172237478	Võ Ngọc	Tân	ENG 102 F	K17KTR4	6	6	7	3	6	5.4	5.7	5.7	Năm Phẩy Bảy	
299	171216337	Trần Văn	Thái	ENG 102 F	K17XCD4	8	7	5	3	4.5	4	4.3	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
300	171216339	Nguyễn Thị	Thắm	ENG 102 F	K17XCD2	10	10	7	7.5	7	5.6	6.3	7.1	Bảy Phẩy Một	
301	171216348	Dương	Thành	ENG 102 F	K17XCD3	7	7	8	7	8.5	7.8	8.2	7.8	Bảy Phẩy Tám	
302	171216345	Dương Hữu	Thành	ENG 102 F	K17XCD4	8	6	5	4	4.5	8.2	6.4	5.9	Năm Phẩy Chín	
303	171216349	Phạm Hữu	Thành	ENG 102 F	K17XCD4	7	5	5	4	5	7.4	6.2	5.7	Năm Phẩy Bảy	
304	171216351	Nguyễn Tuấn	Thạnh	ENG 102 F	K17XCD2	10	8	6	7.5	6.5	5.8	6.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
305	172227080	Phạm Thanh	Thảo	ENG 102 F	K17XDC	9	8	7	6.5	7.5	6.4	7	7.1	Bảy Phẩy Một	
306	171218849	Nguyễn Văn	Thiện	ENG 102 F	K17XCD1	6	6	5	6	5.5	5.6	5.6	5.6	Năm Phẩy Sáu	
307	171135822	Phan Anh	Thọ	ENG 102 F	K17QCD5	6	6	5.5	3	5.5	4.8	5.2	5.1	Năm Phẩy Một	
308	171216355	Nguyễn Thị	Thu	ENG 102 F	K17XCD2	8	7	5	7	5.5	6.2	5.9	6.0	Sáu	
309	172338175	Phạm Thị Ngọc	Trâm	ENG 102 F	K17QTH2	5	6	5	7.5	6	5.8	5.9	5.8	Năm Phẩy Tám	
310	161217127	Đặng Ngọc	Trung	ENG 102 F	K17XCD1	4	3	5.5	3	4.5	3.4	4	0.0	Không	
311	171216365	Nguyễn Trần	Trung	ENG 102 F	K17XCD4	9	7	5	4	4	4.8	4.4	5.0	Năm	
312	171216373	Châu Ngọc	Tú	ENG 102 F	K17XCD4	8	7	5	4	4.5	4.2	4.4	4.9	Bốn Phẩy Chín	
313	172227091	Lê Thanh	Tú	ENG 102 F	K17XDC	7	7	3	5	5.5	4.6	5.1	4.9	Bốn Phẩy Chín	
314	171216389	Lê Văn	Vũ	ENG 102 F	K17XCD4	5	5	0	3	hp	hp	hp	0.0	Không	
315	171216211	Cao Hoàng	An	ENG 102 G	K17XCD2	6	4	4	5	4	4.2	4.1	4.3	Bốn Phẩy Ba	
316	171218848	Nguyễn Việt	Bi	ENG 102 G	K17XCD2	4	3	6	5	2	v	v	0.0	Không	
317	161136755	Trần	Bôn	ENG 102 G	K17TCD	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
318	172267041	Nguyễn Thị Thoại	Hân	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
319	172267035	Nguyễn Thị	Hằng	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
320	172267037	Nguyễn Thị Diễm	Hằng	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
321	171218841	Lê Tân	Hiệp	ENG 102 G	K17XCD2	10	4.5	6.5	9	3	6.2	4.6	5.7	Năm Phẩy Bảy	
322	171216255	Trương Hùng	Hiếu	ENG 102 G	K17XCD2	4	4	3	5	4.5	4.8	4.7	4.3	Bốn Phẩy Ba	
323	171215005	Trần Y	Hoàng	ENG 102 G	K17XCD1	9	5	8	10	5.5	6.6	6.1	6.9	Sáu Phẩy Chín	
324	172267036	Lê Thị Ánh	Hồng	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	

Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
325	171216268	Hồ Thanh	Hùng	ENG 102 G	K17XCD3	10	4.5	8.5	7	6	5.8	5.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
326	172267032	Võ Thị Thu	Hương	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
327	171216271	Phạm Văn	Hướng	ENG 102 G	K17XCD2	9	4.5	6	7	5	5.4	5.2	5.7	Năm Phẩy Bảy	
328	171216272	Võ Trọng	Huy	ENG 102 G	K17XCD3	6	3	3	4	6.5	3.4	5	4.3	Bốn Phẩy Ba	
329	172267031	Nguyễn Khánh	Huyền	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
330	171216276	Hoàng Minh	Khánh	ENG 102 G	K17XCD3	5	5	4	6	hp	hp	hp	0.0	Không	
331	171218843	Nguyễn Tiến	Lộc	ENG 102 G	K17XCD3	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
332	171218836	Đỗ Minh	Long	ENG 102 G	K17XCD2	6	3	4	6	5	5.2	5.1	4.8	Bốn Phẩy Tám	
333	171216286	Lê Quang	Long	ENG 102 G	K17XCD1	10	5	5.5	9	6.5	5.6	6.1	6.3	Sáu Phẩy Ba	
334	171216287	Nguyễn Văn	Lưu	ENG 102 G	K17XCD2	7	4	4	5	6	4.6	5.3	5.0	Năm	
335	171216292	Hoàng Thanh	Nam	ENG 102 G	K17XCD3	8	6	4	6	4	4.2	4.1	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
336	171216299	Huỳnh Văn	Nguyên	ENG 102 G	K17XCD3	9	5	5	5	4.5	3.8	4.2	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
337	151322192	Nguyễn Thị Bích	Nguyệt	ENG 102 G	K15KCD8	7	5	7.2	5	4	2.4	3.2	0.0	Không	
338	171219008	Phan Văn	Nhật	ENG 102 G	K17XCD3	9	5	6	5	4	4.2	4.1	4.9	Bốn Phẩy Chín	
339	171216302	Nguyễn Đức	Nhật	ENG 102 G	K17XCD1	9	7	5	7	4.5	5.6	5.1	5.6	Năm Phẩy Sáu	
340	171216306	Đỗ Hồng	Phong	ENG 102 G	K17XCD1	10	6	6	6	2	4	3	0.0	Không	
341	171216307	Lê Nhật	Phong	ENG 102 G	K17XCD2	8	8	4	6	6	5	5.5	5.6	Năm Phẩy Sáu	
342	171216315	Nguyễn Bá	Phước	ENG 102 G	K17XCD2	10	7	6.5	5	1.5	4.8	3.2	0.0	Không	
343	171216320	Nguyễn Xuân	Quang	ENG 102 G	K17XCD3	9	6	5	6	4	5	4.5	5.1	Năm Phẩy Một	
344	171216323	Nguyễn Ngọc	Quý	ENG 102 G	K17XCD2	10	8	5	8	4	5.4	4.7	5.7	Năm Phẩy Bảy	
345	172267038	Đặng Thị	Sang	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
346	171216331	Nguyễn Văn	Sơn	ENG 102 G	K17XCD2	10	7	5	5	5	5.6	5.3	5.6	Năm Phẩy Sáu	
347	171155219	Trần Đình	Song	ENG 102 G	K17XCD2	10	8	6.5	6	4	4.2	4.1	5.5	Năm Phẩy Năm	
348	171216332	Trần Huỳnh	Sỹ	ENG 102 G	K17XCD3	10	8	5.5	5	4	5.4	4.7	5.5	Năm Phẩy Năm	
349	171216340	Đặng Xuân	Thân	ENG 102 G	K17XCD3	10	6	5	6	3	3.2	3.1	0.0	Không	
350	171216344	Lê Hoàng Công	Thanh	ENG 102 G	K17XCD3	6	6	3	5	hp	hp	hp	0.0	Không	
351	171216343	Nguyễn Công	Thanh	ENG 102 G	K17XCD2	10	7	4	8	4.5	3.2	3.9	0.0	Không	
352	172267034	Đoàn Ngân Thy	Thư	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
353	151324753	Nguyễn Duy Phương	Thư	ENG 102 G	K15KCD8	8	5	4	5	4.5	4.4	4.5	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
354	171216356	Nguyễn Trung	Tín	ENG 102 G	K17XCD3	10	6	6.5	6	3.5	6.2	4.9	5.7	Năm Phẩy Bảy	
355	171216360	Nguyễn Thái	Toàn	ENG 102 G	K17XCD3	7	7	5	7	hp	hp	hp	0.0	Không	
356	172267033	Hồ Thị Bích	Trâm	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
357	172267040	Hoàng Thị Ngọc	Trâm	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
358	172267039	Phan Thị Thùy	Trang	ENG 102 G	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
359	171575722	Đoàn Trọng	Triết	ENG 102 G	K17QCD7	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
360	171216380	Đào Thanh	Tùng	ENG 102 G	K17XCD2	10	6	6	6	4	5.2	4.6	5.4	Năm Phẩy Bốn	

Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
361	171218859	Nguyễn Sơn	Tùng	ENG 102 G	K17XCD1	10	3	3	6	5	5.4	5.2	4.9	Bốn Phẩy Chín	
362	171216384	Lê Hoàng	Việt	ENG 102 G	K17XCD3	8	6	3	6	4	4	4	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
363	172237518	Dương Tấn	Vinh	ENG 102 G	K17KTR4	4	4	3	4	5.5	5.4	5.5	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
364	172267047	Trần Thị Thanh	Bình	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
365	172247528	Trần Phước	Có	ENG 102 H	K17XDC	10	10	6.3	9.5	6	5.2	5.6	6.8	Sáu Phẩy Tám	
366	172267053	Đỗ Thị Ngọc	Diễm	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
367	172267054	Nguyễn Thị Phương	Dung	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
368	172348273	Lê Hứa	Duy	ENG 102 H	K17QTH2	9	10	8.6	8	6.5	6.6	6.6	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
369	172268880	Đặng Thị	Hà	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
370	142234841	Vô Văn	Hạnh	ENG 102 H	K14KTR2	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
371	171218860	Nguyễn Văn	Hiếu	ENG 102 H	K17XCD4	9	10	9.7	8.5	7.5	5.8	6.7	7.9	Bảy Phẩy Chín	
372	172267055	Lê Thị	Hóa	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
373	172267061	Nguyễn Thị Ngọc	Hòa	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
374	162223383	Phạm Xuân	Hoàng	ENG 102 H	K17XDC	8	9	8.8	9.5	5.5	6.2	5.9	7.2	Bảy Phẩy Hai	
375	172267043	Nguyễn Thị	Huế	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
376	171216267	Nguyễn Văn	Hùng	ENG 102 H	K17XCD2	8	8	5	8	4	5.2	4.6	5.5	Năm Phẩy Năm	
377	172227083	Trương Văn	Hùng	ENG 102 H	K17XDC	9	10	7.5	8.5	5	6	5.5	6.8	Sáu Phẩy Tám	
378	172267060	Bùi Thị	Hường	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
379	172227112	Lê Duy	Khiêm	ENG 102 H	K17XDC	9	9	7.6	8.5	5	3	4	5.9	Năm Phẩy Chín	
380	172267046	Nguyễn Thị	Lê	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
381	172267049	Nguyễn Thị Thuý	Linh	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
382	172338228	Lê Thanh	Long	ENG 102 H	K17QTH2	7	7	7	8	5	3.6	4.3	5.6	Năm Phẩy Sáu	
383	171216289	Nguyễn Quang	Minh	ENG 102 H	K17XCD4	9	9	6	8.5	7	3.2	5.1	6.2	Sáu Phẩy Hai	
384	172217215	Dương Văn	Nam	ENG 102 H	K17XDD4	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
385	172338178	Nguyễn Tiến	Nam	ENG 102 H	K17QTH2	10	10	10	8	7.5	6.6	7.1	8.2	Tám Phẩy Hai	
386	171218850	Phạm Thanh	Nam	ENG 102 H	K17XCD4	9	9	6	8.5	5.5	4	4.8	6.0	Sáu	
387	172267066	Lưu Thị Thiên	Nga	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
388	172267063	Nguyễn Anh	Ngọc	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
389	172267058	Phạm Nam	Ngọc	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
390	171575606	Mậu Hồng	Nhật	ENG 102 H	K17QCD1	0	0	0	8	hp	hp	hp	0.0	Không	
391	172338161	Nguyễn Đình	Nhật	ENG 102 H	K17QTH2	7	7	8.2	8	7	4.8	5.9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
392	172267068	Lê Thị Quỳnh	Như	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
393	172267067	Trần Thị Hoài	Phương	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
394	171216321	Nguyễn Quang Phú	Quốc	ENG 102 H	K17XCD4	7	7	5	6	8	5	6.5	6.2	Sáu Phẩy Hai	
395	172227075	Nguyễn Tất	Sơn	ENG 102 H	K17XDC	9	9	5.3	7.5	5	5.8	5.4	6.1	Sáu Phẩy Một	
396	171216334	Nguyễn Văn	Tấn	ENG 102 H	K17XCD1	10	10	5.3	7.5	7	6.2	6.6	6.9	Sáu Phẩy Chín	

Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
397	172267056	Bùi Thị Thu	Thảo	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
398	172267065	Huỳnh Thị Thu	Thảo	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
399	172267052	Trần Thị Kim	Thảo	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
400	172267057	Trần Văn	Thế	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
401	172216554	Lê Tự	Thiên	ENG 102 H	K17XDC	10	10	7.5	9.5	8	6.6	7.3	8.0	Tám	
402	172267051	Nguyễn Thị	Thu	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
403	172528649	Phan Thị Ngọc	Thuần	ENG 102 H	K17QNH1	10	10	7.8	9	8	5.8	6.9	7.8	Bảy Phẩy Tám	
404	172267042	Phan Thị Bích	Thuận	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
405	172268881	Phan Thị Hoài	Thương	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
406	172267048	Lê Thị Diệp	Thủy	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
407	172267062	Trần Thị Minh	Thúy	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
408	172267044	Phạm Thị Cẩm	Tiên	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
409	172267045	Lê Thị	Trang	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
410	172267064	Từ Thị Xuân	Trang	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
411	172227073	Nguyễn Văn	Trọng	ENG 102 H	K17XDC	7	8	7.5	8.5	7	5.4	6.2	6.9	Sáu Phẩy Chín	
412	172267059	Nguyễn Thị	Tú	ENG 102 H	K17YDD	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
413	171216381	Phạm Thanh	Tùng	ENG 102 H	K17XCD4	8	8.5	5.3	8.5	5	4.6	4.8	5.8	Năm Phẩy Tám	
414	172317843	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	ENG 102 H	K17KKT1	10	10	9.3	8	7	5.2	6.1	7.5	Bảy Phẩy Năm	
415	171216385	Trần Quốc	Việt	ENG 102 H	K17XCD4	7	8	5.3	8.5	6	6.2	6.1	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
416	172529041	Trần Bình	An	ENG 102 J	K17XCD3	4	4	6	3	6	3.8	4.9	4.8	Bốn Phẩy Tám	
417	162213206	Nguyễn Hoàng	Anh	ENG 102 J	K17XDD1	4	5	7.5	3	5.5	6.2	5.9	5.7	Năm Phẩy Bảy	
418	171445008	Phan Quốc	Anh	ENG 102 J	K17DCD1	9	7	2	5	5	3.8	4.4	4.5	Bốn Phẩy Năm	
419	172127575	Phạm Mạnh	Cầm	ENG 102 J	K17TPM	7	6	6.5	3	4.5	4	4.3	4.9	Bốn Phẩy Chín	
420	172227101	Lê Phước	Chung	ENG 102 J	K17XDC	6	6	7	7	5	5.8	5.4	6.0	Sáu	
421	172227074	Nguyễn Cao	Cường	ENG 102 J	K17XDC	10	8	7.5	7	5	6	5.5	6.5	Sáu Phẩy Năm	
422	172237364	Trần Đức	Cường	ENG 102 J	K17KTR2	7	4	4	5	6.5	3.6	5.1	4.8	Bốn Phẩy Tám	
423	171216232	Trần Công	Đại	ENG 102 J	K17XCD3	4	4	4.5	3	5.5	3.8	4.7	4.4	Bốn Phẩy Bốn	
424	172237369	Lê Nguyễn Tất	Đạt	ENG 102 J	K17KTR3	3	3	6.5	2	6.5	4.4	5.5	4.9	Bốn Phẩy Chín	
425	171135772	Lê Minh	Đức	ENG 102 J	K17TCD1	7	7	3.5	5	6.5	3.6	5.1	5.0	Năm	
426	172227089	Nguyễn Khắc Hiền	Đức	ENG 102 J	K17XDC	7	6	7	6.5	4.5	6.4	5.5	6.0	Sáu	
427	162146853	Nguyễn Tuấn	Đức	ENG 102 J	K17TTT	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không	
428	171216249	Nguyễn Thanh	Hà	ENG 102 J	K17XCD4	8	7	6	6	7.5	5	6.3	6.3	Sáu Phẩy Ba	
429	172237391	Hoàng Thanh	Hải	ENG 102 J	K17KTR1	10	10	7.5	8	8	5.6	6.8	7.5	Bảy Phẩy Năm	
430	172237388	Trần Công	Hải	ENG 102 J	K17KTR2	0	0	0	0	9.5	4.6	7.1	3.9	Ba Phẩy Chín	
431	172237396	Nguyễn Trung	Hậu	ENG 102 J	K17KTR2	9	7	5	5	8.5	4.8	6.7	6.3	Sáu Phẩy Ba	
432	172237398	Nguyễn Tôn	Hiếu	ENG 102 J	K17KTR4	9	7	7.5	6	7	5.2	6.1	6.6	Sáu Phẩy Sáu	

Thời gian : 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
433	171445051	Hứa Công	Hoàng	ENG 102 J	K17DCD3	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
434	162343852	Nguyễn Huy	Hoàng	ENG 102 J	K17QTH1	0	0	0	0	9.5	4.8	7.2	3.9	Ba Phẩy Chín	
435	172528545	Bùi Tuấn	Huy	ENG 102 J	K17QNH1	10	10	8.5	8	10	6	8	8.4	Tám Phẩy Bốn	
436	172237422	Hồ Trọng Nguyên	Huy	ENG 102 J	K17KTR4	9	8	7.5	7	7	5	6	6.8	Sáu Phẩy Tám	
437	172238890	Phan Ngọc	Huy	ENG 102 J	K17KTR2	7	8	6.5	5	8.7	4	6.4	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
438	171216279	Bùi Xuân	Lâm	ENG 102 J	K17XCD2	10	7	6	5.5	7	6.2	6.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
439	172227120	Nguyễn Văn	Luyến	ENG 102 J	K17XDC	8	7	7.5	5.5	6	5.4	5.7	6.3	Sáu Phẩy Ba	
440	172528567	Huỳnh Viên	Mãn	ENG 102 J	K17QNH1	9	7	6	8	5.5	4.6	5.1	5.9	Năm Phẩy Chín	
441	172227097	Phạm Xuân	Nam	ENG 102 J	K17XDC	9	6	7	5.5	3.5	5.2	4.4	5.4	Năm Phẩy Bốn	
442	172237451	Lê Phú Tân	Nhật	ENG 102 J	K17KTR1	6	5	3	2	5.5	5.6	5.6	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
443	171216303	Dương Công	Pháp	ENG 102 J	K17XCD2	9	9	7	7	8	6.8	7.4	7.5	Bảy Phẩy Năm	
444	161327040	Ngô Gia	Phong	ENG 102 J	K17XCD1	3	2	6.5	2	v	v	v	0.0	Không	
445	171575617	Lê Trọng	Phú	ENG 102 J	K17QCD6	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
446	171136416	Trịnh Ngọc	Quân	ENG 102 J	K17CMU_TC	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
447	171216319	Bùi Chánh	Quang	ENG 102 J	K17XCD2	0	0	0	0	6	6.2	6.1	3.4	Ba Phẩy Bốn	
448	171218858	Hồ Ngọc Hưng	Quốc	ENG 102 J	K17XCD3	4	3	5	2	v	v	v	0.0	Không	
449	172237468	Lê Bá	Quyền	ENG 102 J	K17KTR2	8	7	5	5.5	4	4.4	4.2	5.0	Năm	
450	172237476	Đình Hoàng	Tâm	ENG 102 J	K17KTR2	9	7	5.5	7.5	5	5	5	5.8	Năm Phẩy Tám	
451	162233582	Hoàng Tiến	Thắng	ENG 102 J	K17KTR1	4	3	6	2	8	6.2	7.1	5.8	Năm Phẩy Tám	
452	171216347	Phạm Hữu	Thành	ENG 102 J	K17XCD2	5	4	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
453	172528639	Lê Phương	Thảo	ENG 102 J	K17QNH2	9	8	6	7	6	4.8	5.4	6.1	Sáu Phẩy Một	
454	172528629	Võ Thị	Thảo	ENG 102 J	K17QNH1	10	8	5	7	6	5.8	5.9	6.2	Sáu Phẩy Hai	
455	162236507	Huỳnh Ngọc	Thịnh	ENG 102 J	K17KTR2	4	4	7	3	5	3.2	4.1	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
456	172237494	Hoàng Tấn	Tĩnh	ENG 102 J	K17KTR4	8	8	7	7	3.5	3.8	3.7	0.0	Không	
457	171216361	Nguyễn Thành	Tôn	ENG 102 J	K17XCD4	8	7	6	6	4	4.2	4.1	5.2	Năm Phẩy Hai	
458	162524415	Nguyễn Thị Việt	Trình	ENG 102 J	K17QNH4	10	9	7.5	8	5.5	5.8	5.7	6.8	Sáu Phẩy Tám	
459	171216368	Phạm Minh	Trung	ENG 102 J	K17XCD3	0	0	0	0	3.5	4.8	4.2	2.3	Hai Phẩy Ba	
460	172237500	Huỳnh Bá	Trường	ENG 102 J	K17KTR2	2	2	6.5	0	3	3.6	3.3	0.0	Không	
461	172237506	Nguyễn Duy	Tuấn	ENG 102 J	K17KTR4	8	7	7.5	4.5	4	3.8	3.9	0.0	Không	
462	152232869	Phạm Minh	Tuấn	ENG 102 J	K17KTR3	7	6	7	4.5	8.5	7.2	7.9	7.1	Bảy Phẩy Một	
463	171216377	Trương Đoàn Anh	Tuấn	ENG 102 J	K17XCD4	10	10	7	7.5	3.5	4.6	4.1	5.9	Năm Phẩy Chín	
464	171216382	Lê Thanh	Tùng	ENG 102 J	K17XCD1	9	7	6	6	5	3.8	4.4	5.4	Năm Phẩy Bốn	
465	172237510	Nguyễn Thanh	Tùng	ENG 102 J	K17KTR4	10	8	7	6	6	6.4	6.2	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
466	172237512	Phạm Lâm	Văn	ENG 102 J	K17KTR2	4	3	0	0	5	3.2	4.1	2.8	Hai Phẩy Tám	
467	172227122	Ngô Đức	An	ENG 102 L	K17XDC	8	8	8.4	5	6	4.8	5.4	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
468	172317881	Phạm Tấn	Bằng	ENG 102 L	K17KKT1	10	10	8.4	8	8	6.4	7.2	7.9	Bảy Phẩy Chín	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
469	172318927	Nguyễn Thị Ngọc Bích	ENG 102 L	K17KKT5	10	10	8.5	9	8	7	7.5	8.2	Tám Phẩy Hai		
470	172227096	Trương Lê Bình	ENG 102 L	K17XDC	9	9	8.5	8	7.5	6.2	6.9	7.6	BảyPhẩy Sáu		
471	172317864	Trần Thanh Cảnh	ENG 102 L	K17KKT1	8	7.5	7.6	7.5	6.5	6.4	6.5	7.0	Bảy		
472	172528498	Nguyễn Xuân Đạo	ENG 102 L	K17QNH2	10	9	9.2	8	6	7.4	6.7	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
473	172227085	Trần Kim Đạt	ENG 102 L	K17XDC	10	9	7.6	7.5	6.5	6.4	6.5	7.2	Bảy Phẩy Hai		
474	172237372	Nguyễn Văn Đích	ENG 102 L	K17KTR2	10	9	5.6	7	6.5	5.4	6	6.5	Sáu Phẩy Năm		
475	172528506	Nguyễn Thị Xuân Diệu	ENG 102 L	K17QNH2	10	9	6	8	6	7.4	6.7	7.1	Bảy Phẩy Một		
476	172227121	Hà Đức	ENG 102 L	K17XDC	10	9	7	9	2	6.8	4.4	6.1	Sáu Phẩy Một		
477	172237380	Trần Trung Đức	ENG 102 L	K17KTR2	9	8	6	6.5	2	5	3.5	0.0	Không		
478	172317880	Phan Thùy Dung	ENG 102 L	K17KKT2	10	10	7.2	8	7	6.4	6.7	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
479	161157529	Bùi Tiến Dũng	ENG 102 L	K16ECD2	10	9	8	7.5	7.5	6.4	7	7.6	BảyPhẩy Sáu		
480	172528514	Phạm Văn Dũng	ENG 102 L	K17QNH3	8	7	7.6	6	2	5.6	3.8	0.0	Không		
481	172528521	Trần Hương Giang	ENG 102 L	K17QNH1	9	10	9	9	3	6.6	4.8	6.8	Sáu Phẩy Tám		
482	172227094	Nguyễn Văn Hanh	ENG 102 L	K17XDC	10	8	7.2	5	6.5	5.4	6	6.5	Sáu Phẩy Năm		
483	172317800	Nguyễn Huy Hoàng	ENG 102 L	K17KKT1	9	8	7.2	8	8	6.8	7.4	7.6	BảyPhẩy Sáu		
484	172217185	Ngô Mậu Việt Hùng	ENG 102 L	K17XDC	8	8	7.2	7	5.5	5.4	5.5	6.3	Sáu Phẩy Ba		
485	172317960	Nguyễn Quốc Hùng	ENG 102 L	K17KKT4	10	9	8	7	6.5	6.6	6.6	7.3	Bảy Phẩy Ba		
486	172227119	Phạm Phi Hùng	ENG 102 L	K17XDC	10	9	5.5	7	6	6.6	6.3	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
487	172237414	Lê Quang Hưng	ENG 102 L	K17KTR4	10	9	7.6	7.5	6	4	5	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
488	172317823	Lê Thị Thanh Huyền	ENG 102 L	K17KKT5	10	9	7.6	7	6	5.6	5.8	6.8	Sáu Phẩy Tám		
489	172528551	Võ Thị Thanh Lam	ENG 102 L	K17QNH3	10	9	7.2	8	6.5	5.8	6.2	7.0	Bảy		
490	172227086	Lê Thanh Lâm	ENG 102 L	K17XDC	10	9	7.6	7.5	6	5.8	5.9	6.9	Sáu Phẩy Chín		
491	172338257	Nguyễn Hoàng Long	ENG 102 L	K17QTH1	10	10	7.4	8	v	v	v	0.0	Không		
492	172227117	Hồ Sỹ Luân	ENG 102 L	K17XDC	10	8	7.6	7	5	3.8	4.4	5.9	Năm Phẩy Chín		
493	172317909	Trần Thị Lựu	ENG 102 L	K17KKT5	10	9	7.2	7	5	6.2	5.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
494	172317795	Nguyễn Hoàng Ly	ENG 102 L	K17KKT1	10	10	7.2	8	5	6.6	5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín		
495	172227095	Phạm Văn Ngân	ENG 102 L	K17XDC	9	8	8.5	7	6	7	6.5	7.2	Bảy Phẩy Hai		
496	172227090	Phạm Văn Nghĩa	ENG 102 L	K17XDC	9	9	7	7.5	4	7.2	5.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
497	172318926	Trần Thị Hải Oanh	ENG 102 L	K17KKT5	10	9	6.5	6	5	6.4	5.7	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
498	172317788	Trần Thị Kiều Oanh	ENG 102 L	K17KKT1	9	9	7.6	7	4	5.4	4.7	6.2	Sáu Phẩy Hai		
499	172227070	Đào Xuân Phú	ENG 102 L	K17XDC	10	9	6	7	5	6.2	5.6	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
500	172317964	Lê Thuỳ Quyên	ENG 102 L	K17KKT2	10	10	8.5	10	6	7.8	6.9	8.0	Tám		
501	172317953	Phan Thị Trúc Quyên	ENG 102 L	K17KKT1	10	10	8	10	8	8	8	8.5	Tám Phẩy Năm		
502	172317807	Dương Thanh Sơn	ENG 102 L	K17KKT1	10	10	7.6	7.5	7.5	8	7.8	8.0	Tám		
503	172237474	Lương Văn Tâm	ENG 102 L	K17KTR4	10	9	6.5	7	5	5.6	5.3	6.3	Sáu Phẩy Ba		
504	172237480	Hoàng Trung Thắng	ENG 102 L	K17KTR2	10	7	5.6	4	5.5	4.6	5.1	5.5	Năm Phẩy Năm		



Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
505	172227110	Phan Mạnh	Thắng	ENG 102 L	K17XDC	10	10	7.6	7	6	5.6	5.8	6.9	Sáu Phẩy Chín	
506	172526990	Nguyễn Phú	Tín	ENG 102 L	K17QNH3	10	9	6	8	5.5	4.4	5	6.1	Sáu Phẩy Một	
507	172237493	Đặng Văn	Tĩnh	ENG 102 L	K17KTR3	7	6	7	6	6	4.2	5.1	5.8	Năm Phẩy Tám	
508	172317918	Trần Quang	Tĩnh	ENG 102 L	K17KKT1	10	10	6	7.5	6	4.8	5.4	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
509	172227076	Lê Minh	Trí	ENG 102 L	K17XDC	9	8	7	6	4	5.4	4.7	5.8	Năm Phẩy Tám	
510	162314752	Nguyễn Thành	Trung	ENG 102 L	K17KCD	10	9	7.6	7.5	6	3.6	4.8	6.3	Sáu Phẩy Ba	
511	172227111	Phạm Hải	Trường	ENG 102 L	K17XDC	9	7	7.2	5	5.5	4.8	5.2	5.9	Năm Phẩy Chín	
512	172227077	Võ Trần Thanh	Tuấn	ENG 102 L	K17XDC	10	9	5.6	6	6.5	5.2	5.9	6.3	Sáu Phẩy Ba	
513	172227079	Vũ Trí	Tuệ	ENG 102 L	K17XDC	8	7	5.2	5	5	3.2	4.1	4.9	Bốn Phẩy Chín	
514	172317863	Nguyễn Viết	Tùng	ENG 102 L	K17KKT1	10	9	7.5	7	5.5	5	5.3	6.5	Sáu Phẩy Năm	
515	172317786	Phan Phước	Tuy	ENG 102 L	K17KKT4	8	7	6.5	6	6	5.8	5.9	6.2	Sáu Phẩy Hai	
516	172317917	Nguyễn Thị Ánh	Tuyết	ENG 102 L	K17KKT5	10	10	7.2	7.5	7	5.2	6.1	7.0	Bảy	
517	172317834	Chu Thị	Uyên	ENG 102 L	K17KKT2	10	10	8.5	8	8	7.2	7.6	8.2	Tám Phẩy Hai	
518	172227099	Nguyễn Đức	Vũ	ENG 102 L	K17XDC	10	8	6.5	6	5	5.2	5.1	6.0	Sáu	
519	172528488	Phan Phước Quốc	Anh	ENG 102 M	K17QNH3	10	9	7	8	7	4.2	5.6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
520	172338264	Nguyễn Thị	Bình	ENG 102 M	K17QTH1	10	9	7	8.5	v	v	v	0.0	Không	
521	172338162	Nguyễn Viết	Bình	ENG 102 M	K17QTH3	9	9	6	6	v	v	v	0.0	Không	
522	172237373	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	ENG 102 M	K17KTR3	9	9	5.5	6	5	4.6	4.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	
523	172317801	Nguyễn Thị Linh	Diệu	ENG 102 M	K17KKT4	10	9	6	8.5	7	6.6	6.8	7.2	Bảy Phẩy Hai	
524	172528507	Nguyễn Thái	Định	ENG 102 M	K17QNH1	8	8.5	7	8.5	7	5	6	6.8	Sáu Phẩy Tám	
525	172317828	Lưu Trọng	Đức	ENG 102 M	K17KKT5	9	9	5	9	5	5.2	5.1	6.1	Sáu Phẩy Một	
526	172318929	Trần Thị Thanh	Duyên	ENG 102 M	K17KKT5	10	9.5	8.5	9	6	6.4	6.2	7.5	Bảy Phẩy Năm	
527	172528523	Đỗ Thanh	Hà	ENG 102 M	K17QNH2	9	9	6	8.5	6	5.6	5.8	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
528	172317920	Mai Thị Hồng	Hạnh	ENG 102 M	K17KKT4	8	8.5	6	8.5	8	5	6.5	6.9	Sáu Phẩy Chín	
529	172317738	Lê Thị Thu	Hiền	ENG 102 M	K17KKT5	9	9	6	9	7	5.2	6.1	6.8	Sáu Phẩy Tám	
530	172237397	Phạm Đình	Hiếu	ENG 102 M	K17KTR3	8	8	5	3	8	5.6	6.8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
531	172528953	Nguyễn Ngọc	Hoà	ENG 102 M	K17QNH1	8	9	6.5	8	8	6	7	7.3	Bảy Phẩy Ba	
532	172338216	Trần Quang	Hòa	ENG 102 M	K17QTH1	10	8.5	6	8.5	5.5	4.2	4.9	6.1	Sáu Phẩy Một	
533	172528538	Ngô Văn	Hùng	ENG 102 M	K17QNH3	8	9	5.5	8	5.5	5.2	5.4	6.1	Sáu Phẩy Một	
534	172528539	Trần Văn	Hưng	ENG 102 M	K17QNH3	9	8.5	5.5	6.5	6	4.4	5.2	5.9	Năm Phẩy Chín	
535	172237418	Phan Thế	Hữu	ENG 102 M	K17KTR3	8	6	5	8	v	v	v	0.0	Không	
536	172317813	Dương Thị	Lài	ENG 102 M	K17KKT1	10	9	6	8	6	5.4	5.7	6.5	Sáu Phẩy Năm	
537	172317950	Chu Thị Thảo	Linh	ENG 102 M	K17KKT1	10	6	6	8	6	6.4	6.2	6.5	Sáu Phẩy Năm	
538	172528564	Dương Tấn Bảo	Long	ENG 102 M	K17QNH3	8	8.5	7	8	7.5	4.4	6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
539	172237438	Trương Văn	Mạnh	ENG 102 M	K17KTR4	4	6	5	8	6	4.6	5.3	5.5	Năm Phẩy Năm	
540	172318919	Nguyễn Khánh Ly	Na	ENG 102 M	K17KKT2	10	10	7	8.5	5.5	4.6	5.1	6.5	Sáu Phẩy Năm	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP							ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ	
					5%	10%	20%	10%			55%			
541	172528575	Nguyễn Thị Phương Nga	ENG 102 M	K17QNH1	10	9	6.5	8.5	7	5.2	6.1	6.9	Sáu Phẩy Chín	
542	172237445	Bùi Hữu Nghĩa	ENG 102 M	K17KTR3	9	8	5	6	6	5.2	5.6	5.9	Năm Phẩy Chín	
543	172317862	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	ENG 102 M	K17KKT4	8	8.5	7	8.5	7	6.4	6.7	7.2	Bảy Phẩy Hai	
544	172528581	Văn Hạnh Nguyên	ENG 102 M	K17QNH2	10	9	6.5	8.5	6	5.6	5.8	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
545	172528583	Vũ Khánh Nhân	ENG 102 M	K17QNH1	10	8	6	8.5	5.5	6.2	5.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
546	171216301	Phan Văn Nhật	ENG 102 M	K17XCD4	8	8.5	5	8.5	5	3.6	4.3	5.5	Năm Phẩy Năm	
547	172528589	Hoàng Thị Kiều Oanh	ENG 102 M	K17QNH1	10	9	5.5	8.5	7	4	5.5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
548	172528599	Nguyễn Thị Mai Phương	ENG 102 M	K17QNH1	10	9	6.5	8.5	6	5	5.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
549	172528610	Nguyễn Cao Quý	ENG 102 M	K17QNH3	4.5	8.5	5.5	7	5	5.6	5.3	5.8	Năm Phẩy Tám	
550	172338248	Trần Như Sang	ENG 102 M	K17QTH1	10	9	6	8.5	6	6.8	6.4	7.0	Bảy	
551	162314686	Đinh Thị Thanh Tâm	ENG 102 M	K17KKT1	10	9.5	8	8.5	7	8.2	7.6	8.1	Tám Phẩy Một	
552	172338218	Nguyễn Hữu Tân	ENG 102 M	K17QTH2	10	9	5	8.5	7	5.8	6.4	6.8	Sáu Phẩy Tám	
553	172338172	Đỗ Thị Thu Thảo	ENG 102 M	K17QTH1	10	9	7	8.5	6.5	7.4	7	7.5	Bảy Phẩy Năm	
554	172528640	Nguyễn Thị Phương Thảo	ENG 102 M	K17QNH2	10	9	6	8.5	5.5	7.2	6.4	6.9	Sáu Phẩy Chín	
555	172528636	Nguyễn Thị Thu Thảo	ENG 102 M	K17QNH1	9	8.5	6.5	8.5	5.5	6.2	5.9	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
556	172317911	Trần Thị Phương Thảo	ENG 102 M	K17KKT5	9	9	6	9	5	4.8	4.9	6.1	Sáu Phẩy Một	
557	172528647	Nguyễn Thị Thu	ENG 102 M	K17QNH2	10	9	7	8.5	6.5	4.6	5.6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
558	172528659	Thái Thị Kim Thùy	ENG 102 M	K17QNH3	10	8.5	6	8	7	3.8	5.4	6.3	Sáu Phẩy Ba	
559	172338243	Phạm Thị Bích Thủy	ENG 102 M	K17QTH3	9	8.5	6	8.5	7	6.6	6.8	7.1	Bảy Phẩy Một	
560	172237492	Trịnh Minh Tín	ENG 102 M	K17KTR2	9	8	4.5	2	6	6.6	6.3	5.8	Năm Phẩy Tám	
561	161157083	Lê Công Tinh	ENG 102 M	K16ECD2	9	9	5	7	5.5	5.4	5.5	6.0	Sáu	
562	172528678	Nguyễn Thành Trung	ENG 102 M	K17QNH3	10	8.5	5	8	7	3.8	5.4	6.1	Sáu Phẩy Một	
563	172317934	Đặng Hải Tùng	ENG 102 M	K17KKT2	8	8	5	8	6.5	4.8	5.7	6.1	Sáu Phẩy Một	
564	172318928	Nguyễn Thị Bích Viên	ENG 102 M	K17KKT5	10	9	7.5	9	7	8.4	7.7	8.0	Tám	
565	172528689	Hồ Tấn Vũ	ENG 102 M	K17QNH1	8	8	6.5	8	7	5.6	6.3	6.8	Sáu Phẩy Tám	
566	172317752	Hồ Thị Thảo Vy	ENG 102 M	K17KKT4	9	9	7	8.5	5.5	4.8	5.2	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
567	172338177	Hoàng Nhất Anh	ENG 102 N	K17QTH1	10	9	7.2	7	6.5	5.8	6.2	6.9	Sáu Phẩy Chín	
568	172528486	Võ Ngọc Anh	ENG 102 N	K17QNH1	9	7	6.5	6.5	4	5.2	4.6	5.6	Năm Phẩy Sáu	
569	172338241	Trần Trọng Biên	ENG 102 N	K17QTH1	10	9	6.5	8	3	4	3.5	0.0	Không	
570	172338255	Nguyễn Thành Chiến	ENG 102 N	K17QTH3	10	7	7.2	5	4	6.4	5.2	6.0	Sáu	
571	172238895	Nguyễn Tuấn Đạt	ENG 102 N	K17KTR2	10	9	7.6	7	3	6	4.5	6.1	Sáu Phẩy Một	
572	172528501	Nguyễn Văn Đậu	ENG 102 N	K17QNH4	10	9	6	8	4	4.4	4.2	5.7	Năm Phẩy Bảy	
573	172528510	Lê Minh Đức	ENG 102 N	K17QNH4	8	7	9	8	4	4.8	4.4	6.1	Sáu Phẩy Một	
574	171216248	Nguyễn Quốc Duy	ENG 102 N	K17XCD3	8	8	5.2	5	v	v	v	0.0	Không	
575	172317976	Hồ Thị Lệ Hà	ENG 102 N	K17KKT2	10	10	6	7	5	5.4	5.2	6.3	Sáu Phẩy Ba	
576	172317865	Phan Thị Ngân Hà	ENG 102 N	K17KKT1	10	10	7	8	3	6.4	4.7	6.3	Sáu Phẩy Ba	

Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
577	172528526	Nguyễn Hữu Hải	ENG 102 N	K17QNH3	10	8	7.2	6	2	5.8	3.9	0.0	Không		
578	172338251	Phạm Xuân Hải	ENG 102 N	K17QTH1	10	8	7.2	7.5	3	4.2	3.6	0.0	Không		
579	172338196	Trần Trung Hiếu	ENG 102 N	K17QTH3	10	9	7	6	3	4.4	3.7	0.0	Không		
580	172528535	Nguyễn Hữu Hoàng	ENG 102 N	K17QNH1	9	7	7.2	7	3	5.8	4.4	5.7	Năm Phẩy Bảy		
581	172338156	Mai Thanh Hùng	ENG 102 N	K17QTH3	9	7	8	7	4	6.6	5.3	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
582	172528540	Nguyễn Thế Đăng Hưng	ENG 102 N	K17QNH4	7	7	9.6	5	6.5	6.8	6.7	7.1	Bảy Phẩy Một		
583	172338254	Nguyễn Văn Hưng	ENG 102 N	K17QTH1	10	10	7	8	7	6.2	6.6	7.3	Bảy Phẩy Ba		
584	172317846	Hồ Thị Mai Hương	ENG 102 N	K17KKT1	10	10	7	8	5.5	6.6	6.1	7.0	Bảy		
585	172317734	Huỳnh Ngọc Huyền	ENG 102 N	K17KKT5	10	10	9	9	6.5	6.6	6.6	7.8	Bảy Phẩy Tám		
586	172338198	Dương Nguyễn Khoa	ENG 102 N	K17QTH3	10	9	5.6	7	2	5.2	3.6	0.0	Không		
587	172338231	Nguyễn Thị Liên	ENG 102 N	K17QTH3	10	10	7.6	7.5	2	5.2	3.6	0.0	Không		
588	172317899	Phạm Thị Liễu	ENG 102 N	K17KKT3	9	8	7	7	5.5	6.4	6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
589	162314607	Nguyễn Thị Thuỳ Linh	ENG 102 N	K17KKT1	10	10	8.5	9	8	6.6	7.3	8.1	Tám Phẩy Một		
590	172528562	Mai Chiêm Lộc	ENG 102 N	K17QNH4	5	5	5.6	5	2	5.2	3.6	0.0	Không		
591	172338201	Lê Văn Lý	ENG 102 N	K17QTH3	10	9	7.6	7.5	4	7.2	5.6	6.8	Sáu Phẩy Tám		
592	172338205	Phạm Thị Yến Ngọc	ENG 102 N	K17QTH3	10	9	7.6	7.5	6	7.6	6.8	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
593	172318917	Nguyễn Thị Thảo Nguyên	ENG 102 N	K17KKT4	9	8	8	8	7	7.2	7.1	7.6	BảyPhẩy Sáu		
594	172338268	Nguyễn Hữu Nhân	ENG 102 N	K17QTH1	10	8	6	6	5	8.2	6.6	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
595	172526963	Hoàng Thị Hương Nho	ENG 102 N	K17QNH2	10	10	9.6	9	7.5	8.6	8.1	8.7	Tám Phẩy Bảy		
596	172338224	Bùi Ngọc Chương Niê	ENG 102 N	K17QTH3	9	7	5	4	5	8	6.5	6.1	Sáu Phẩy Một		
597	172427723	Võ Tấn Phát	ENG 102 N	K17QTH3	10	9	6	8.5	5.5	4.2	4.9	6.1	Sáu Phẩy Một		
598	171216317	Nguyễn Tùng Quân	ENG 102 N	K17XCD4	10	8	7	7	8	4.2	6.1	6.8	Sáu Phẩy Tám		
599	172528614	Lê Chí Sĩ	ENG 102 N	K17QNH2	9	10	7.6	9	7	6.4	6.7	7.6	BảyPhẩy Sáu		
600	172317756	Võ Như Tài	ENG 102 N	K17KKT2	9	7	6	6	7	6.6	6.8	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
601	172338203	Nguyễn Thành Tâm	ENG 102 N	K17QTH3	10	10	7.5	9	8	4.6	6.3	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
602	172338157	Hoàng Minh Thái	ENG 102 N	K17QTH3	10	9	8	9	8	6.8	7.4	8.0	Tám		
603	172528628	Dương Từ Ngọc Thành	ENG 102 N	K17QNH2	10	10	7.5	8	8	7	7.5	7.9	Bảy Phẩy Chín		
604	172317755	Nguyễn Hữu Thiện	ENG 102 N	K17KKT2	9	9	6.5	7	6	6	6	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
605	172526985	Lý Công Thịnh	ENG 102 N	K17QNH3	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
606	172317822	Dương Thanh Trung	ENG 102 N	K17KKT5	10	10	7	8.5	6	5.8	5.9	7.0	Bảy		
607	172338191	Nguyễn Xuân Trung	ENG 102 N	K17QTH1	10	8	7.2	8	5	6	5.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
608	172528680	Nguyễn Thị Thu Truyền	ENG 102 N	K17QNH4	9	8	9.6	7.5	6	6	6	7.2	Bảy Phẩy Hai		
609	172528682	Bùi Hữu Tuân	ENG 102 N	K17QNH1	10	10	7.6	8.5	5	5.2	5.1	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
610	162333827	Đặng Anh Việt	ENG 102 N	K17QTH3	9	10	6	9	5	6.2	5.6	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
611	172317767	Đoàn Quốc Việt	ENG 102 N	K17KKT1	10	9	7	8	5.5	5.4	5.5	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
612	172338204	Nguyễn Thanh Việt	ENG 102 N	K17QTH3	4	4	4.4	3	5.5	6.4	6	5.1	Năm Phẩy Một		



Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
613	172237519	Tô Quang	Vinh	ENG 102 N	K17KTR1	9	9	5.6	8.5	6	4.6	5.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
614	172338263	Nguyễn Huy	Vũ	ENG 102 N	K17QTH3	10	8	7.2	6	5	5.2	5.1	6.1	Sáu Phẩy Một	
615	172528692	Lê Quốc	Vương	ENG 102 N	K17QNH4	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
616	172528691	Ngô Thanh	Vương	ENG 102 N	K17QNH3	8	7	7	6	5	4	4.5	5.6	Năm Phẩy Sáu	
617	172317757	Nguyễn Thị Yên	Vy	ENG 102 N	K17KKT5	9	9	8	8	5	5.4	5.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
618	172317839	Huỳnh Thị Hoài	Vỹ	ENG 102 N	K17QTH3	10	9	8	9	6.5	8	7.3	7.9	Bảy Phẩy Chín	
619	152232871	Hồ Đắc	Bảo	ENG 102 O	K17KTR4	2	5	3	2	4	5	4.5	3.9	Ba Phẩy Chín	
620	142352339	Nguyễn Thanh	Bình	ENG 102 O	K14QNH3	5	5	3	3	4	5.6	4.8	4.3	Bốn Phẩy Ba	
621	171216220	Nguyễn Trần	Cảnh	ENG 102 O	K17XCD3	6	6	3	3	4	4.8	4.4	4.2	Bốn Phẩy Hai	
622	171216224	Trương Văn	Chương	ENG 102 O	K17XCD4	7	7	4	3	2	4.2	3.1	0.0	Không	
623	171216233	Lê Trí	Dân	ENG 102 O	K17XCD4	9	8	5	4	4	5.6	4.8	5.3	Năm Phẩy Ba	
624	171216239	Nguyễn Vũ Hà	Đông	ENG 102 O	K17XCD2	10	8	5.5	6.5	6	6	6	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
625	172237378	Phạm Văn	Đông	ENG 102 O	K17KTR4	9	8	6	6.5	4	6.6	5.3	6.0	Sáu	
626	172237389	Nguyễn Tiến	Hải	ENG 102 O	K17KTR2	8	7	4.5	8	3	5.2	4.1	5.1	Năm Phẩy Một	
627	172528484	Phạm Hữu	Hải	ENG 102 O	K17QNH1	9	7	4.5	6.5	4.5	4.8	4.7	5.3	Năm Phẩy Ba	
628	172237393	Nguyễn Thị Lệ	Hằng	ENG 102 O	K17KTR3	10	8	6	4	6	4	5	5.7	Năm Phẩy Bảy	
629	172528531	Huỳnh Thị	Hạnh	ENG 102 O	K17QNH4	9	8	6	7.5	7	5.8	6.4	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
630	172338247	Ngô Lê Mỹ	Hạnh	ENG 102 O	K17QTH2	10	9	7.5	8.5	8	7.2	7.6	7.9	Bảy Phẩy Chín	
631	172338183	Nguyễn Thế	Hiếu	ENG 102 O	K17QTH2	10	9	6.5	8.5	4.5	6	5.3	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
632	172237400	Nguyễn Văn	Hiếu	ENG 102 O	K17KTR2	8	8	4	8	5	3.8	4.4	5.2	Năm Phẩy Hai	
633	171216269	Phan Văn	Hùng	ENG 102 O	K17XCD4	9	8	5	4	2	3	2.5	0.0	Không	
634	162223390	Huỳnh Thanh	Hưng	ENG 102 O	K17XDC	8	8	4	4	2	5.6	3.8	0.0	Không	
635	172338190	Trần Minh	Huy	ENG 102 O	K17QTH3	7	8	4.5	3	5	5	5	5.1	Năm Phẩy Một	
636	172237423	Lê Văn	Huỳnh	ENG 102 O	K17KTR1	9	9	5	4	4	5.6	4.8	5.4	Năm Phẩy Bốn	
637	172237425	Nguyễn Trung	Kiên	ENG 102 O	K17KTR3	8	8	4	4	5	5.2	5.1	5.2	Năm Phẩy Hai	
638	171219015	Đặng Ngọc	Kin	ENG 102 O	K17XCD4	9	9	4.5	4	3	5.2	4.1	4.9	Bốn Phẩy Chín	
639	151135156	Nguyễn Minh	Luận	ENG 102 O	K16TCD1	8	9	4.5	4	4	4	4	4.8	Bốn Phẩy Tám	
640	171216291	Lê Tự Tấn	Mỹ	ENG 102 O	K17XCD2	7	9	6	6.5	2	4.2	3.1	0.0	Không	
641	172317922	Đào Quang	Nam	ENG 102 O	K17KKT4	10	9	5	8.5	5	4.4	4.7	5.8	Năm Phẩy Tám	
642	172528572	Nguyễn Hữu Khánh	Nam	ENG 102 O	K17QNH4	7	8	5.5	8	5	4.6	4.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	
643	172338266	Đỗ Như	Ngọc	ENG 102 O	K17QTH2	8	9	7.5	8.5	5	5	5	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
644	172237446	Ngô Trần Kim	Ngọc	ENG 102 O	K17KTR4	7	9	4	4	hp	hp	hp	0.0	Không	
645	171216300	Mai Văn	Nhật	ENG 102 O	K17XCD3	9	8	4.5	4	4	4	4	4.8	Bốn Phẩy Tám	
646	171216305	Nguyễn Văn	Phi	ENG 102 O	K17XCD3	7	8	4.5	4	3	5.2	4.1	4.7	Bốn Phẩy Bảy	
647	172237456	Bùi Minh	Phong	ENG 102 O	K17KTR2	4	6	3.5	2	5.5	3	4.3	4.0	Bốn	
648	172317754	Dương Thị Hồng	Phúc	ENG 102 O	K17KKT2	10	9	5.5	7.5	6.5	4.8	5.7	6.4	Sáu Phẩy Bốn	

Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
649	172338173	Nguyễn Xuân Phúc	ENG 102 O	K17QTH3	8	8	5	7.5	7	5	6	6.3	Sáu Phẩy Ba		
650	172528606	Lê Thị Hoài Phương	ENG 102 O	K17QNH4	8	9	5.5	7.5	7.5	5.8	6.7	6.8	Sáu Phẩy Tám		
651	172528956	Phan Kim Phượng	ENG 102 O	K17QNH4	9	9	5.5	7.5	7	5.4	6.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
652	161156401	Đoàn Văn Sang	ENG 102 O	K16ECD1	9	7	4	2	7	2.4	4.7	4.7	Bốn Phẩy Bảy		
653	172127609	Nguyễn Văn Sang	ENG 102 O	K17QTH3	2	4	3	2	hp	hp	hp	0.0	Không		
654	171216336	Đỗ Thanh Tây	ENG 102 O	K17XCD3	9	8	4	3	3	3.8	3.4	0.0	Không		
655	161325653	Đặng Thị Thanh Thảo	ENG 102 O	K17KCD2	8	8	4.5	4	3.5	4.6	4.1	4.7	Bốn Phẩy Bảy		
656	172317832	Phạm Thị Thanh Thảo	ENG 102 O	K17KKT2	10	8	4.5	4	7	5.2	6.1	6.0	Sáu		
657	171216353	Nguyễn Phước Thiện	ENG 102 O	K17XCD4	9	9	5	4	6.5	2.4	4.5	5.2	Năm Phẩy Hai		
658	172528651	Trần Thị Hoài Thương	ENG 102 O	K17QNH4	10	9	6	8	7	4.6	5.8	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
659	172528657	Lê Thị Ngọc Thúy	ENG 102 O	K17QNH4	10	9	6.5	7.5	8	6.8	7.4	7.5	Bảy Phẩy Năm		
660	172317833	Nguyễn Phương Trinh	ENG 102 O	K17KKT2	10	9	5.5	7.5	6.5	4.2	5.4	6.2	Sáu Phẩy Hai		
661	172338259	Võ Thị Khánh Trinh	ENG 102 O	K17QTH3	9	9	6	7.5	8	6.2	7.1	7.2	Bảy Phẩy Hai		
662	172227078	Hoàng Minh Trứ	ENG 102 O	K17XDC	5	8	4	2	6	4.2	5.1	4.9	Bốn Phẩy Chín		
663	172237502	Nguyễn Thị Thu Truyền	ENG 102 O	K17KTR4	9	8	4	4	7.5	6	6.8	6.2	Sáu Phẩy Hai		
664	171216376	Ngô Anh Tuấn	ENG 102 O	K17XCD4	9	8	4.5	4	7	4	5.5	5.6	Năm Phẩy Sáu		
665	162223421	Nguyễn Anh Tuấn	ENG 102 O	K17XDC	7	8	4	4	hp	hp	hp	0.0	Không		
666	172237505	Nguyễn Minh Tuấn	ENG 102 O	K17KTR3	9	9	4.5	7	4	2.2	3.1	0.0	Không		
667	171216387	Trịnh Quang Vĩnh	ENG 102 O	K17XCD2	10	9	5.5	7	4.5	3.4	4	0.0	Không		
668	171216210	Nguyễn Thành An	ENG 102 R	K17XCD1	8	6	5	8	5	3.6	4.3	5.2	Năm Phẩy Hai		
669	162233448	Phan Kim Châu	ENG 102 R	K17KTR3	8	9	6.5	4	8	3.8	5.9	6.2	Sáu Phẩy Hai		
670	171216226	Nguyễn Văn Công	ENG 102 R	K17XCD1	8	7	6	7	7	4.6	5.8	6.2	Sáu Phẩy Hai		
671	171216234	Ngô Tiến Đạt	ENG 102 R	K17XCD1	10	10	7.5	8	6	4.4	5.2	6.7	Sáu Phẩy Bảy		
672	171216238	Nguyễn Tiến Đạt	ENG 102 R	K17XCD1	9	9	5.5	7	6.5	5.6	6.1	6.5	Sáu Phẩy Năm		
673	172528505	Võ Thị Điểm	ENG 102 R	K17QNH3	10	9	8.5	8	4.5	6	5.3	6.8	Sáu Phẩy Tám		
674	171216242	Phùng Xuân Đức	ENG 102 R	K17XCD1	8	6	4.5	5	4	5.4	4.7	5.0	Năm		
675	172528512	Lê Thị Thùy Dung	ENG 102 R	K17QNH2	9	7	5.5	8	3	3.4	3.2	0.0	Không		
676	161216789	Đặng Quốc Dũng	ENG 102 R	K16XCD3	8	5	5	3	4	4.2	4.1	4.5	Bốn Phẩy Năm		
677	171216250	Bùi Duy Hà	ENG 102 R	K17XCD1	7	6	5.5	7	3	3.8	3.4	0.0	Không		
678	161217067	Hoàng Minh Hải	ENG 102 R	K17XCD1	8	7	5.5	3	5	2.8	3.9	0.0	Không		
679	171218831	Võ Minh Hải	ENG 102 R	K17XCD3	10	7	5.5	8	4	4	4	5.3	Năm Phẩy Ba		
680	172317883	Hoàng Thị Hằng	ENG 102 R	K17KKT1	10	8	7	5	5	4.4	4.7	5.8	Năm Phẩy Tám		
681	171216252	Nguyễn Đức Hạnh	ENG 102 R	K17XCD3	10	7	5.5	8	7	4.8	5.9	6.3	Sáu Phẩy Ba		
682	171216260	Trần Vinh Hoàng	ENG 102 R	K17XCD3	9	7	5.5	5	6	3.8	4.9	5.4	Năm Phẩy Bốn		
683	172237410	Phạm Ngọc Huế	ENG 102 R	K17KTR3	10	7	6.5	5	6	3.6	4.8	5.6	Năm Phẩy Sáu		
684	172237413	Đỗ Ngọc Hùng	ENG 102 R	K17KTR3	8	7	4.5	3	6.5	4.4	5.5	5.3	Năm Phẩy Ba		



Thời gian : 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
685	132234850	Dương Viết Hùng	ENG 102 R	K13KTR2	8	6	5	5	5	4.6	4.8	5.1	Năm Phẩy Một		
686	171216270	Phan Thanh Hưng	ENG 102 R	K17XCD1	6	5	0	2	hp	hp	hp	0.0	Không		
687	151216130	Nguyễn Tiến Huy	ENG 102 R	K16XCD1	7	6	5.5	3	7	5.4	6.2	5.8	Năm Phẩy Tám		
688	171216273	Nguyễn Văn Quốc Huy	ENG 102 R	K17XCD4	10	7	4	8	4.5	4.4	4.5	5.2	Năm Phẩy Hai		
689	171216274	Trương Xuân Huyền	ENG 102 R	K17XCD1	8	6	5	8	5.5	3.6	4.6	5.3	Năm Phẩy Ba		
690	172338154	Võ Thị Liên	ENG 102 R	K17QTH2	10	10	7.5	7	6	5.4	5.7	6.8	Sáu Phẩy Tám		
691	171216281	Nguyễn Duy Linh	ENG 102 R	K17XCD4	10	7	4	8	4.5	5.2	4.9	5.5	Năm Phẩy Năm		
692	172315001	Phạm Lê Kiều Linh	ENG 102 R	K17KKT5	7	5	4	3	3	3.6	3.3	0.0	Không		
693	172317804	Phạm Thị Thùy Linh	ENG 102 R	K17KKT4	8	6	6.5	5	5	4	4.5	5.3	Năm Phẩy Ba		
694	171218851	Lê Hữu Thiện Mỹ	ENG 102 R	K17XCD3	10	6	5	8	7	4.2	5.6	6.0	Sáu		
695	172528569	Trương Thùy Mỹ	ENG 102 R	K17QTC4	10	8	5.5	8	6	5.6	5.8	6.4	Sáu Phẩy Bốn		
696	161446169	Đậu Quốc Nam	ENG 102 R	K16XCD3	3	2	5	0	v	v	v	0.0	Không		
697	171218857	Phan Tuấn Nam	ENG 102 R	K17XCD1	6	6	5.5	7	5	4	4.5	5.2	Năm Phẩy Hai		
698	171216294	Trần Văn Nam	ENG 102 R	K17XCD1	8	6	5.5	8	4	3.8	3.9	0.0	Không		
699	172317758	Nguyễn Quang Nhật	ENG 102 R	K17KKT4	10	9	5.5	5	7	4.4	5.7	6.1	Sáu Phẩy Một		
700	172238896	Phan Xuân Phương	ENG 102 R	K17KTR2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
701	172328077	Nguyễn Ngọc Quang	ENG 102 R	K17QTH2	8	6	6.5	7	3.5	3.8	3.7	0.0	Không		
702	171216329	Trần Hữu Sơn	ENG 102 R	K17XCD4	8	7	5	5	3	5	4	4.8	Bốn Phẩy Tám		
703	152325598	Lê Thị Thu Sương	ENG 102 R	K15KDN3	8	8	8	7	6	6.2	6.1	6.9	Sáu Phẩy Chín		
704	152211954	Đoàn Công Tâm	ENG 102 R	T15XDDB	8	6	8	5	4	5	4.5	5.6	Năm Phẩy Sáu		
705	172528623	Phạm Ngọc Thắng	ENG 102 R	K17QNH3	10	10	5.5	8.5	8.2	5.2	6.7	7.1	Bảy Phẩy Một		
706	172317905	Nguyễn Thị Dạ Thảo	ENG 102 R	K17KKT4	8	8	7	5	7	4	5.5	6.1	Sáu Phẩy Một		
707	172528630	Nguyễn Thị Như Thảo	ENG 102 R	K17QTC4	9	7	6	8	6.2	4.6	5.4	6.1	Sáu Phẩy Một		
708	152523682	Phan Thị Huỳnh Thương	ENG 102 R	K15KDN3	8	8	8	7	7.5	5	6.3	6.9	Sáu Phẩy Chín		
709	171219016	Trà Văn Thường	ENG 102 R	K17XCD1	10	6	7	5	4	5.2	4.6	5.5	Năm Phẩy Năm		
710	172528674	Bùi Việt Trinh	ENG 102 R	K17QNH3	10	10	9.5	8	7	7.4	7.2	8.2	Tám Phẩy Hai		
711	171216362	Bùi Trung Trục	ENG 102 R	K17XCD1	5	5	5.5	3	5.8	3.8	4.8	4.8	Bốn Phẩy Tám		
712	171216366	Nguyễn Hữu Trung	ENG 102 R	K17XCD1	9	8	5.5	5	5.8	4	4.9	5.5	Năm Phẩy Năm		
713	171216370	Nguyễn Xuân Trung	ENG 102 R	K17XCD1	8	7	6	8	7.5	3.2	5.4	6.0	Sáu		
714	172528681	Trình Công Tú	ENG 102 R	K17QNH3	10	9	5.5	8	8	4.6	6.3	6.8	Sáu Phẩy Tám		
715	172317963	Đặng Minh Tuấn	ENG 102 R	K17KKT5	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không		
716	171216378	Lưu Minh Tuấn	ENG 102 R	K17XCD1	8	7	5	8	5	6.6	5.8	6.1	Sáu Phẩy Một		
717	172238897	Nguyễn Anh Tuấn	ENG 102 R	K17KTR2	5	5	0	0	v	v	v	0.0	Không		
718	161326745	Nguyễn Minh Tuấn	ENG 102 R	K16KCD8	0	0	0	0	v	v	v	0.0	Không		
719	171216386	Nguyễn Vinh	ENG 102 R	K17XCD1	8	6	5	7	4	4.6	4.3	5.1	Năm Phẩy Một		
720	171158729	Nguyễn Tuấn Vũ	ENG 102 R	K17XCD3	9	6	5	8	5	3	4	5.1	Năm Phẩy Một		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
721	172528701	Nguyễn Như Ý	ENG 102 R	K17QNH3	10	8	5.5	8	5.5	4.2	4.9	5.9	Năm Phẩy Chín		
722	172237355	Lê Văn Bình	ENG 102 S	K17KTR1	7	7	4.5	7.5	4.5	3.4	4	0.0	Không		
723	172237359	Huỳnh Đức Châu	ENG 102 S	K17KTR1	10	7	6.5	7.5	4	4.8	4.4	5.7	Năm Phẩy Bảy		
724	172237377	Trịnh Hữu Doanh	ENG 102 S	K17KTR1	8	9	6.5	8	7	6.2	6.6	7.0	Bảy		
725	172338189	Nguyễn Minh Đức	ENG 102 S	K17QTH3	10	8	5.5	8	7	5	6	6.5	Sáu Phẩy Năm		
726	172237379	Phạm Văn Đức	ENG 102 S	K17KTR1	10	9	6.5	8	7	6	6.5	7.1	Bảy Phẩy Một		
727	172237383	Cao Phan Thanh Dũng	ENG 102 S	K17KTR1	8	7	5.5	7	4	3	3.5	0.0	Không		
728	172237387	Nguyễn Hữu Duy	ENG 102 S	K17KTR1	8	6	5	7.5	1	5.8	3.4	0.0	Không		
729	172237392	Trần Thị Thúy Hằng	ENG 102 S	K17KTR1	8	7	5	7	4	3.8	3.9	0.0	Không		
730	172338240	Nguyễn Khánh Hào	ENG 102 S	K17QTH3	10	9	5	8.5	4	2.2	3.1	0.0	Không		
731	172237403	Nguyễn Khánh Hiệu	ENG 102 S	K17KTR1	9	8	4.5	8	4	4.4	4.2	5.3	Năm Phẩy Ba		
732	172528536	Phạm Tuấn Hoàng	ENG 102 S	K17QNH1	7	7	6	7	5	4.2	4.6	5.5	Năm Phẩy Năm		
733	172237407	Vô Văn Hoàng	ENG 102 S	K17KTR1	10	9	5	7	5	6.4	5.7	6.2	Sáu Phẩy Hai		
734	172237419	Phạm Ngọc Hưng Huy	ENG 102 S	K17KTR1	10	7	6	7.5	5	6.6	5.8	6.3	Sáu Phẩy Ba		
735	172338215	Đoàn Thanh Liêm	ENG 102 S	K17QTH3	10	7	6	8.5	4.5	6.6	5.6	6.3	Sáu Phẩy Ba		
736	172317882	Nguyễn Thị Mỹ Liên	ENG 102 S	K17KKT1	10	9	4	9	4.5	7	5.8	6.3	Sáu Phẩy Ba		
737	172237434	Nguyễn Phong Lợi	ENG 102 S	K17KTR1	6	6	6	7	5.5	4.8	5.2	5.6	Năm Phẩy Sáu		
738	171216284	Trần Đình Long	ENG 102 S	K17XCD3	9	8	6.5	6	v	v	v	0.0	Không		
739	172237439	Lưu Xuân Mạnh	ENG 102 S	K17KTR1	10	8	5.5	8	5.5	7	6.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
740	172317736	Mai Văn Mỹ	ENG 102 S	K17KKT2	10	9	6	8.5	4	5.2	4.6	6.0	Sáu		
741	172237442	Lê Bình Nam	ENG 102 S	K17KTR4	8	7	9	7	5	4.2	4.6	6.1	Sáu Phẩy Một		
742	172317870	Nguyễn Thị Hồng Nga	ENG 102 S	K17KKT5	10	9	7.5	7	6	6	6	6.9	Sáu Phẩy Chín		
743	172338249	Huỳnh Lê Thảo Nguyên	ENG 102 S	K17QTH3	10	10	6	8.5	7	5.2	6.1	6.9	Sáu Phẩy Chín		
744	172318921	Phan Thị Thu Nguyên	ENG 102 S	K17KKT1	10	9	8.5	8.5	7	6.8	6.9	7.7	Bảy Phẩy Bảy		
745	172338158	Lê Duy Nhân	ENG 102 S	K17QTH3	9	9	6.5	7.5	7	4.8	5.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
746	172237459	Trần Quang Phúc	ENG 102 S	K17KTR1	10	8.5	10	8.5	5.5	6.2	5.9	7.4	Bảy Phẩy Bốn		
747	172338182	Nguyễn Phạm Uyên Phương	ENG 102 S	K17QTH3	7	7	7	7.5	4.5	5.6	5.1	6.0	Sáu		
748	172237463	Lương Đặng Thế Quân	ENG 102 S	K17KTR1	10	8	7	7	7	4.8	5.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu		
749	172237466	Nguyễn Văn Quý	ENG 102 S	K17KTR4	7	7	7.5	7	6	5.8	5.9	6.5	Sáu Phẩy Năm		
750	172237467	Lương Thanh Quyên	ENG 102 S	K17KTR1	8	7	6	7	5	4	4.5	5.5	Năm Phẩy Năm		
751	172237471	Trương Ngọc Sơn	ENG 102 S	K17KTR1	10	7	7.5	7	6	4	5	6.2	Sáu Phẩy Hai		
752	172237475	Bùi Hồng Tâm	ENG 102 S	K17KTR1	7	7	7	6	5	4.8	4.9	5.7	Năm Phẩy Bảy		
753	172338242	Phạm Hữu Minh Tâm	ENG 102 S	K17QTH1	10	10	8.5	8	6.5	7.8	7.2	7.9	Bảy Phẩy Chín		
754	172237479	Nguyễn Thị Bích Thắm	ENG 102 S	K17KTR1	10	7	7.5	7	6.5	6.8	6.7	7.1	Bảy Phẩy Một		
755	172338170	Nguyễn Lê Tịnh Thảo	ENG 102 S	K17QTH3	9	8	7	7	6	5.6	5.8	6.5	Sáu Phẩy Năm		
756	172237487	Lê Văn Thỏa	ENG 102 S	K17KTR1	8	7	7.5	6	6	3	4.5	5.7	Năm Phẩy Bảy		

Thời gian : 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
757	172317838	Phạm Thị Thái	Thuỳ	ENG 102 S	K17KKT1	9	10	9	9	7.5	6.6	7.1	8.0	Tám	
758	172237491	Phạm Thị Kim	Tiên	ENG 102 S	K17KTR1	9	8	7.5	7	7	3.8	5.4	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
759	172338256	Mai Phạm Bảo	Tín	ENG 102 S	K17QTH1	4	7	8.5	6	3	3.4	3.2	0.0	Không	
760	172318924	Lê Thị Thu	Trà	ENG 102 S	K17KKT1	9	9	7.5	8.5	7.5	6.6	7.1	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
761	172237499	Phạm Xuân	Trọng	ENG 102 S	K17KTR1	8	8	6.5	8	6	3.4	4.7	5.9	Năm Phẩy Chín	
762	171216372	Lê	Trường	ENG 102 S	K17XCD3	8	7	7	6	v	v	v	0.0	Không	
763	171216371	Phan Nhật	Trường	ENG 102 S	K17XCD2	10	7	6.5	8	4	6	5	6.1	Sáu Phẩy Một	
764	171216375	Huỳnh Anh	Tuấn	ENG 102 S	K17XCD2	10	9	6	6	4.5	5.2	4.9	5.9	Năm Phẩy Chín	
765	172237515	Phan Thanh	Việt	ENG 102 S	K17KTR1	10	8	7	7.5	7.5	3	5.3	6.3	Sáu Phẩy Ba	
766	171216388	Hồ Kim	Vĩnh	ENG 102 S	K17XCD3	8	7	5	6	6	5.2	5.6	5.8	Năm Phẩy Tám	
767	172338213	Nguyễn Đình Duy	Anh	ENG 102 T	K17QTH2	10	10	5.5	9	8	5.2	6.6	7.1	Bảy Phẩy Một	
768	172218883	Phạm Đức	Anh	ENG 102 T	K17XDD3	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
769	171328813	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	ENG 102 T	K17KCD2	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
770	172317945	Phạm Thị Hồng	Bé	ENG 102 T	K17KKT2	10	10	5.9	7	5	5	5	6.1	Sáu Phẩy Một	
771	172227098	Hoàng Thanh	Bình	ENG 102 T	K17XDC	9	9	5.8	7	7	5.2	6.1	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
772	172338146	Lê	Bình	ENG 102 T	K17QTH2	10	10	5.1	9	8	5.4	6.7	7.1	Bảy Phẩy Một	
773	171216216	Võ Văn	Bình	ENG 102 T	K17XCD3	9	9	5.6	7	7	5	6	6.5	Sáu Phẩy Năm	
774	172338174	Lương Thị Quỳnh	Châu	ENG 102 T	K17QTH2	9	9	6	7	8	5.2	6.6	6.9	Sáu Phẩy Chín	
775	172227100	Lê Quang	Đạt	ENG 102 T	K17XDC	10	9	5.8	7	8.5	3.6	6.1	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
776	162314542	Cao Hữu Thế	Đức	ENG 102 T	K17QTH1	6	7	4.6	4.6	6.5	4.8	5.7	5.5	Năm Phẩy Năm	
777	172338261	Phạm Thị Hồng	Duyên	ENG 102 T	K17QTH2	10	9	6.2	7.5	8	5.4	6.7	7.1	Bảy Phẩy Một	
778	172318916	Vũ Ngọc Kỳ	Duyên	ENG 102 T	K17KKT5	9	9	5.5	7.5	7.5	6	6.8	6.9	Sáu Phẩy Chín	
779	172317912	Hoàng Đức Phương	Giang	ENG 102 T	K17KKT2	10	9	5.4	6.6	7	5.2	6.1	6.5	Sáu Phẩy Năm	
780	172317916	Lê Thị Thuý	Hằng	ENG 102 T	K17KKT2	10	9	6.2	6.5	6	5	5.5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
781	171575526	Nguyễn Thị Giáng	Hương	ENG 102 T	K17QCD2	5	6	3	3	hp	hp	hp	0.0	Không	
782	172237416	Nguyễn Thị Xuân	Hương	ENG 102 T	K17KTR2	9	9	5.8	7	5	4.6	4.8	5.9	Năm Phẩy Chín	
783	172338212	Tô Ngọc	Huy	ENG 102 T	K17QTH1	7	7	5.6	5.6	4	4.4	4.2	5.0	Năm	
784	172338226	Thái Danh	Lê	ENG 102 T	K17QTH2	8	9	5.6	6.5	5	4.8	4.9	5.8	Năm Phẩy Tám	
785	172319026	Trần Diệp	Linh	ENG 102 T	K17KKT5	8	9	5	7	8.5	3.8	6.2	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
786	172338200	Võ Văn Thành	Long	ENG 102 T	K17QTH1	6	7	3	5	4.5	4.6	4.6	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
787	172317739	Nguyễn Hùng	Mạnh	ENG 102 T	K17KKT5	7	7	5	5	5.5	6.2	5.9	5.8	Năm Phẩy Tám	
788	141133961	Nguyễn Diệp	Minh	ENG 102 T	K15TCD2	9	8	5.6	6	4.5	4.6	4.6	5.5	Năm Phẩy Năm	
789	172317796	Lê Đỗ Hoài	Nam	ENG 102 T	K17KKT2	9	8	5.4	5.4	6.5	7.2	6.9	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
790	172338141	Nguyễn Hoài	Nam	ENG 102 T	K17QTH1	8	8	4.2	5	4	3.2	3.6	0.0	Không	
791	172318918	Võ Thị Thanh	Nga	ENG 102 T	K17KKT2	10	9	6.8	7.5	8.5	7.6	8.1	7.9	Bảy Phẩy Chín	
792	172317798	Nguyễn Thị Thuý	Ngọc	ENG 102 T	K17KKT2	10	10	6.2	9	7	5.6	6.3	7.1	Bảy Phẩy Một	



Thời gian: 11/10/2012

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP							ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
						A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ	
						5%	10%	20%	10%			55%			
793	172338165	Đặng Bảo	Nguyên	ENG 102 T	K17QTH2	8	9	5.8	6	7	5.2	6.1	6.4	Sáu Phẩy Bốn	
794	171445106	Trần Đình	Nguyên	ENG 102 T	K17DCD2	7	5	0	0	v	v	v	0.0	Không	
795	172217231	Nguyễn Thành	Nhiên	ENG 102 T	K17KKT2	8	7	4.4	4.4	5	5.8	5.4	5.4	Năm Phẩy Bốn	
796	172317906	Lê Thị Hồng	Nhung	ENG 102 T	K17KKT2	8	8	4.8	5	6	3.6	4.8	5.3	Năm Phẩy Ba	
797	172237452	Đặng Thị Thuý	Ni	ENG 102 T	K17KTR2	9	8	5	7	7.5	4	5.8	6.1	Sáu Phẩy Một	
798	172338244	Nguyễn Tổ	Nữ	ENG 102 T	K17QTH2	9	10	5.6	9	7.5	6.2	6.9	7.2	Bảy Phẩy Hai	
799	172317907	Nguyễn Nhật	Quân	ENG 102 T	K17KKT1	9	8	5.2	6	6.5	4.2	5.4	5.8	Năm Phẩy Tám	
800	171218845	Võ Lê	Quân	ENG 102 T	K17XCD4	8	8.5	4.4	6	6.5	6.6	6.6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
801	172317928	Nguyễn Ngọc	Quốc	ENG 102 T	K17KKT2	10	9	5.6	6.5	6.5	6.4	6.5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
802	172338195	Lê Văn	Sáng	ENG 102 T	K17QTH2	10	9	3.6	6	4	2.8	3.4	0.0	Không	
803	171216335	Ngô Đình	Tăng	ENG 102 T	K17XCD2	10	8.5	4.8	6	4	4.6	4.3	5.3	Năm Phẩy Ba	
804	172317886	Nguyễn Ngọc	Thái	ENG 102 T	K17KKT2	10	8.5	4.8	6	6	4.6	5.3	5.8	Năm Phẩy Tám	
805	172237485	Lê Đức	Thiện	ENG 102 T	K17KTR3	5	5	4.4	4.4	6	5	5.5	5.1	Năm Phẩy Một	
806	172317735	Trịnh Thị Thanh	Thùy	ENG 102 T	K17KKT5	9	9	4	7	6.5	3.6	5.1	5.6	Năm Phẩy Sáu	
807	172317810	Bùi Văn	Toại	ENG 102 T	K17KKT2	9	9	4.2	5	5.5	6.4	6	6.0	Sáu	
808	171219012	Phạm Phú	Trường	ENG 102 T	K17XCD3	8	7	2.8	5.5	4.5	2.8	3.7	0.0	Không	
809	152125974	Nguyễn Hữu	Tùng	ENG 102 T	K17TPM	5	5	6	6	4	4	4	4.8	Bốn Phẩy Tám	
810	171135843	Trần Quốc	Tùng	ENG 102 T	K17TCD1	7	7	6	6	4.5	5.6	5.1	5.6	Năm Phẩy Sáu	
811	172528690	Phan Văn Anh	Vũ	ENG 102 T	K17QNH2	5	5	4.8	4.8	5	3.6	4.3	4.6	Bốn Phẩy Sáu	
812	172338258	Võ Thị	Vui	ENG 102 T	K17QTH2	9	10	4.6	7	7	6.2	6.6	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
813	172117559	Đinh Quốc	Anh	ENG 102 U	K17TMT	10	8	6	7	7.5	3	5.3	6.1	Sáu Phẩy Một	
814	172216536	Đỗ Hoàng	Bình	ENG 102 U	K17KKT3	10	8	8	7.5	4.5	5	4.8	6.3	Sáu Phẩy Ba	
815	172117556	Tuyển Thành Sơn	Ca	ENG 102 U	K17TMT	10	10	7.5	9	7.5	6	6.8	7.6	Bảy Phẩy Sáu	
816	172237362	Hà Văn	Chiến	ENG 102 U	K17KTR4	10	10	8	9	6	5.4	5.7	7.1	Bảy Phẩy Một	
817	172117561	Trần Hữu Phú	Cường	ENG 102 U	K17TMT	10	10	9.6	9	8.5	6.2	7.4	8.4	Tám Phẩy Bốn	
818	172117562	Phạm Công	Danh	ENG 102 U	K17TMT	10	9	9.6	10	6.5	6.4	6.5	7.9	Bảy Phẩy Chín	
819	172528497	Đoàn Thị	Đào	ENG 102 U	K17QNH4	10	8	5	8	7	5.6	6.3	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
820	172237368	Bùi Minh	Đạt	ENG 102 U	K17KTR4	10	8	7.2	7	4	4.4	4.2	5.8	Năm Phẩy Tám	
821	172117563	Trương Minh	Đạt	ENG 102 U	K17TMT	9	10	10	10	8	6.4	7.2	8.4	Tám Phẩy Bốn	
822	172227123	Lê Hoàng	Hà	ENG 102 U	K17XDC	9	9	7.2	7	5.5	5.6	5.6	6.5	Sáu Phẩy Năm	
823	171158963	Nguyễn Thế	Hải	ENG 102 U	K17ECD	8	7	7.6	7	6	4.6	5.3	6.2	Sáu Phẩy Hai	
824	172117565	Nguyễn Văn	Hậu	ENG 102 U	K17TMT	10	9	9.2	8	6	3.6	4.8	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
825	172237402	Đỗ Minh	Hiếu	ENG 102 U	K17KTR4	10	8	6	5	4	5	4.5	5.5	Năm Phẩy Năm	
826	172318922	Nguyễn Thị	Hiếu	ENG 102 U	K17KKT3	10	10	6	6	3.5	3.6	3.6	0.0	Không	
827	172317815	Nguyễn Thị Như	Hòa	ENG 102 U	K17KKT3	10	10	7	6	7	4.6	5.8	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
828	132234844	Nguyễn Quốc	Hoàn	ENG 102 U	K13KTR1	10	9	7.6	7.5	7	4	5.5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
829	172227103	Trần Đăng	Hoàng	ENG 102 U	K17XDC	8	8	7.2	7	4	3	3.5	0.0	Không	
830	172237411	Nguyễn Mạnh	Hùng	ENG 102 U	K17KTR4	9	9	7.2	7.5	4.5	5	4.8	6.2	Sáu Phẩy Hai	
831	172317889	Võ Mai Mạnh	Hùng	ENG 102 U	K17KKT3	10	8	6	7	4	3.8	3.9	0.0	Không	
832	172237430	Vũ Thanh	Lịch	ENG 102 U	K17KTR4	9	9	6.5	8	5	6	5.5	6.5	Sáu Phẩy Năm	
833	172317829	Nguyễn Xuân Vu	Loan	ENG 102 U	K17KKT3	10	9	7.2	8	7	5.4	6.2	7.1	Bảy Phẩy Một	
834	172338937	Nguyễn Thành	Long	ENG 102 U	K17QTH2	10	9	8.5	8	7	4.6	5.8	7.1	Bảy Phẩy Một	
835	172117566	Trần Như	Minh	ENG 102 U	K17TMT	10	10	10	10	9	9	9	9.5	Chín Phẩy Năm	
836	172317901	Trần Thang	Mỹ	ENG 102 U	K17KKT3	10	9	7	7	8	4.4	6.2	6.9	Sáu Phẩy Chín	
837	172317875	Hoàng Tuấn	Nam	ENG 102 U	K17KKT3	9	8	7.6	7.5	6	4.8	5.4	6.5	Sáu Phẩy Năm	
838	172117568	Võ Thành	Nhân	ENG 102 U	K17TMT	9	9	6	6	3.5	3.2	3.4	0.0	Không	
839	172217230	Võ Doãn Hoàng	Nhật	ENG 102 U	K17XDD3	10	8	6	6	6	3.6	4.8	5.7	Năm Phẩy Bảy	
840	172217232	Nguyễn Văn	Nhút	ENG 102 U	K18XDD	0	0	0	0	hp	hp	hp	0.0	Không	
841	171155214	Trần Uy	Phen	ENG 102 U	K17ECD	10	8	7	7	3.5	4.2	3.9	0.0	Không	
842	172328073	Nguyễn Thị Xuân	Phương	ENG 102 U	K17KDN2	10	9	6	7	4.5	3.8	4.2	5.6	Năm Phẩy Sáu	
843	172317819	Võ Tấn	Quý	ENG 102 U	K17KKT3	8	7	6	6	5.5	3.6	4.6	5.4	Năm Phẩy Bốn	
844	172319027	Hồ Ngọc Thảo	Quyên	ENG 102 U	K17KKT3	10	10	7.2	10	7	5.4	6.2	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
845	172117569	Đinh Văn	Sang	ENG 102 U	K17TMT	10	10	9	9	7	5	6	7.5	Bảy Phẩy Năm	
846	172237469	Võ Ánh	Sáng	ENG 102 U	K17KTR3	10	9	7	7.5	4.5	4.6	4.6	6.1	Sáu Phẩy Một	
847	172237470	Đỗ Hoàng	Sơn	ENG 102 U	K17KTR4	9	9	7.6	7.5	5	3.4	4.2	5.9	Năm Phẩy Chín	
848	172217258	Trương Duy	Tài	ENG 102 U	K17XDD3	10	9	7	7.5	5.5	4.4	5	6.3	Sáu Phẩy Ba	
849	162233576	Lộ Thanh	Tâm	ENG 102 U	K16KTR1	9	7	6	4	v	v	v	0.0	Không	
850	172227082	Trần Hữu	Thanh	ENG 102 U	K17XDC	8	8	7	7	4	3	3.5	0.0	Không	
851	172317973	Lê Thị Thanh	Thảo	ENG 102 U	K17KKT4	10	9	8	8	7	6.2	6.6	7.4	Bảy Phẩy Bốn	
852	172317837	Trần Thu	Thảo	ENG 102 U	K17KKT3	10	10	7.6	9	7	6.4	6.7	7.6	BảyPhẩy Sáu	
853	172217280	Huỳnh Nhất	Thiên	ENG 102 U	K17XDD1	10	9	7	7	5.5	3.6	4.6	6.0	Sáu	
854	172237482	Lê Nguyên	Thiên	ENG 102 U	K17KTR4	10	9	7.2	7.5	5.5	3.8	4.7	6.1	Sáu Phẩy Một	
855	161327237	Nguyễn Thành	Thoảng	ENG 102 U	K16KCD3	10	9	6	7	4.5	3.8	4.2	5.6	Năm Phẩy Sáu	
856	172338260	Tường Thanh	Thới	ENG 102 U	K17QTH2	9	8	4.5	5	5.5	6.6	6.1	6.0	Sáu	
857	172317816	Nguyễn Thị Mai	Thương	ENG 102 U	K17KKT3	10	10	7.6	7.6	5.5	4.8	5.2	6.6	Sáu Phẩy Sáu	
858	172528653	Phạm Phương	Thúy	ENG 102 U	K17QNH4	10	9	7.6	7.6	5	3.4	4.2	6.0	Sáu	
859	152314107	Lê Thị Thanh	Thủy	ENG 102 U	K15KKT3	10	9	5.6	6.5	5.5	4.2	4.9	5.8	Năm Phẩy Tám	
860	172217294	Nguyễn Văn	Tiến	ENG 102 U	K17XDD1	10	9	8	8	5.5	3.6	4.6	6.3	Sáu Phẩy Ba	
861	172117557	Trần Việt	Tiến	ENG 102 U	K17TMT	10	10	8	9.5	7.5	6	6.8	7.8	Bảy Phẩy Tám	
862	172117570	Đặng Như	Trung	ENG 102 U	K17TMT	9	8	5.6	6	5	5.6	5.3	5.9	Năm Phẩy Chín	
863	172237504	Nguyễn Thanh	Tú	ENG 102 U	K17KTR4	10	7	7.2	7	4	4.8	4.4	5.8	Năm Phẩy Tám	
864	172237514	Nguyễn Trí	Viễn	ENG 102 U	K17KTR4	8	7	7.2	8	7	2.2	4.6	5.9	Năm Phẩy Chín	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP MÔN HỌC	LỚP SINH HOẠT	ĐIỂM QUÁ TRÌNH & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	THI NÓI	THI VIẾT	F	SỐ	CHỮ		
					5%	10%	20%	10%			55%				
865	172227104	Nguyễn Trường	Việt	ENG 102 U	K17XDC	10	8	5.6	7	4	4.6	4.3	5.5	Năm Phẩy Năm	
866	172317948	Trần Anh	Vũ	ENG 102 U	K17KKT3	10	8.5	8.5	8.5	6	4	5	6.7	Sáu Phẩy Bảy	
867	172117558	Trần Xuân	Vũ	ENG 102 U	K17TMT	10	10	7.5	8	5	6.2	5.6	6.9	Sáu Phẩy Chín	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ LƯỢNG		TỶ LỆ (%)	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	676		78%	
2	Số sinh viên nợ	191		22%	
TỔNG CỘNG :		867		100%	